



THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

SỐ RA HÀNG THÁNG
(Tháng 8/2024)



LƯU HÀNH NỘI BỘ

THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 08/2024)



MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

ĐIỂM TIN

6. Công nghệ tái chế nông sử dụng nhựa đường bọt và xi măng theo TCVN 13150-3:2024
7. Nâng cao năng lực áp dụng TCVN ISO 18091:2020 trong quản lý chính quyền địa phương
8. Thiết kế hệ thống cửa thân xe của các phương tiện đường sắt theo TCVN 13898:2023
9. Tiêu chuẩn chất lượng nông sản: Chinh phục thị trường nội địa làm bệ phóng cho xuất khẩu
10. Truy xuất nguồn gốc – Công cụ quản lý an toàn thực phẩm hiệu quả
12. Xác định nhanh tỷ lệ tương đối của thành phần hạt bụi, sét trong đất và cốt liệu theo TCVN 14134-5:2024
13. Thiết lập tiêu chuẩn cho ống và phụ kiện PVC an toàn hướng tới phát triển bền vững
14. Bảo đảm an toàn cho các thiết bị gia dụng
15. Tiêu chuẩn Quốc tế mới cho giao diện thiết bị điều khiển điện tử thông minh
16. Công bố tiêu chuẩn phòng tránh rủi ro tâm lý xã hội tại nơi làm việc
17. Hỗ trợ các thành phố thông minh theo Tiêu chuẩn Quốc tế
18. Tiêu chuẩn HACCP về hệ thống quản lý chất lượng trong ngành thực phẩm
19. Tiêu chuẩn ISO 14064 về hệ thống xác minh và tính toán khí nhà kính
21. Tiêu chuẩn ESG hỗ trợ các giao dịch bất động sản thương mại
22. Tiêu chuẩn ASTM về hàn nhiệt của màng địa kỹ thuật trong công trình xây dựng
22. Tiêu chuẩn ASTM E334: Cải thiện hệ thống nhận dạng khuôn mặt
23. Phát triển 2 tiêu chuẩn ASTM về đánh giá nơi làm việc
24. Tiêu chuẩn mới cung cấp phương pháp đo hàm lượng xenlulo

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

27. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 08/2024

❖ BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Thông sửa đổi, bổ sung Thông tư 16/2021/TT-BGTVT và Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT



Bộ GTVT vừa ban hành Thông tư số 30/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

Theo đó, Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT), Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT (sau đây gọi là Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT), Thông tư số 08/2023/TT-BGTVT ngày 02 tháng 06 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa

đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

Bãi bỏ, thay thế, bổ sung một số điểm, khoản, điều, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT và Thông tư số 08/2023/TT-BGTVT.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2024./.

Văn bản hợp nhất số 23/VBHN-BGTVT ngày 31/7/2024

hợp nhất Thông tư Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô.

Theo đó, Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 46/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2019;

Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và

nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024./.

Văn bản hợp nhất số 25/VBHN-BGTVT hợp nhất Thông tư quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy.

Theo đó, Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 19/2014/TT-BGTVT ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng, Thông tư số 44/2012/TT-BGTVT ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy và Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2014.

2. Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

3. Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe

ơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024./.

Văn bản hợp nhất 31/VBHN-BGTVT hợp nhất Thông tư về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu.



Theo đó, Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 04 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu, có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2014.

2. Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2018.

3. Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của

các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 08 năm 2022.

4. Thông tư số 49/2023/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và xe đạp điện sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024./.

❖ BỘ XÂY DỰNG

Ngày 01/8/2024 Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư 06/2024/TT-BXD ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng.



Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng, mã số QCVN 10:2024/BXD.

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc phải tuân thủ khi xây dựng mới hoặc cải tạo các công trình xây dựng để đảm bảo người gặp khó khăn khi tiếp cận có thể tiếp cận sử dụng, bao gồm:

- a) Nhà chung cư;
- b) Công trình công cộng:
 - Công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu;
 - Công trình trụ sở, văn phòng làm việc;
 - Công trình y tế;
 - Công trình thể thao;
 - Công trình văn hóa;

- Công trình thương mại, dịch vụ.

c) Công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Công trình giao thông đô thị: nhà ga, bến tàu, bến xe, đường và hè phố, hầm đi bộ, cầu vượt bộ hành;

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật và tiện ích đô thị khác (nhà tang lễ, nghĩa trang, nhà vệ sinh công cộng, công viên, điểm chờ xe buýt, máy rút tiền tự động, điểm truy cập internet công cộng).

Đối với các công trình di tích cần phải bảo tồn, công trình cũ không đủ điều kiện để cải tạo phải có các giải pháp trợ giúp người gặp khó khăn khi tiếp cận.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2025 và bãi bỏ Thông tư số 21/2014/TT-BXD ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng, mã số QCVN 10:2014/BXD./.

❖ BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

➤ **Quyết định ban hành các Tiêu chuẩn Quốc gia:**

Quyết định số 1147/QĐ-BKHHCN (31/5/2024):

1. TCVN 14138-1:2024, Thiết bị dù lượn – Dù lượn – Phần 1: Yêu cầu và phương pháp thử độ bền kết cấu
2. TCVN 14138-2:2024, Thiết bị dù lượn – Dù lượn – Phần 2: Yêu cầu và phương pháp thử để phân cấp đặc tính an toàn bay
3. TCVN 14139:2024, Thiết bị dù lượn – Đai ngồi – Yêu cầu an toàn và phép thử độ bền
4. TCVN 14140:2024, Thiết bị dù lượn – Dù khẩn cấp – Yêu cầu an toàn và phương pháp thử

Quyết định số 1512/QĐ-BKHHCN (4/7/2024):

1. TCVN 13965-1:2024, Ứng dụng đường sắt - Hàn ray - Phần 1: Hàn nhiệt nhôm
2. TCVN 13965-2:2024, Ứng dụng đường sắt - Hàn ray - Phần 2: Hàn chảy giáp mép

TCVN 13965-3:2024, Ứng dụng đường sắt - Hàn ray - Phần 3: Hàn khí áp lực

Quyết định số 1643/QĐ-BKHCN (18/7/2024):

1. TCVN 14106:2024, Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Hồ sơ bảo vệ cho sản phẩm phát hiện và phản hồi điểm cuối (EDR)
2. TCVN 14107:2024, Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Hồ sơ bảo vệ cho sản phẩm tường lửa ứng dụng Web

Quyết định số 1628/QĐ-BKHCN (18/7/2024):

1. TCVN 14182:2024, Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật

Quyết định số 1629/QĐ-BKHCN (18/7/2024):

1. TCVN 14141:2024, Phương pháp tính toán, xác định tầm hiệu lực của báo hiệu hàng hải

Quyết định số 1710/QĐ-BKHCN (25/7/2024):

1. TCVN 12653-1:2024, Phòng cháy chữa cháy - Ống và phụ tùng đường ống CPVC dùng trong hệ thống sprinkler tự động - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
2. TCVN 12653-2:2024, Phòng cháy chữa cháy - Ống và phụ tùng đường ống CPVC dùng trong hệ thống sprinkler tự động - Phần 2: Phương pháp thử

➤ **Quyết định hủy bỏ các Tiêu chuẩn Quốc gia:**

Quyết định số 1709/QĐ-BKHCN (25/7/2024):

1. TCVN 12653-1:2024, Phòng cháy chữa cháy - Ống và phụ tùng đường ống CPVC dùng trong hệ thống sprinkler tự động - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
2. TCVN 12653-2:2024, Phòng cháy chữa cháy - Ống và phụ tùng đường ống CPVC dùng trong hệ thống sprinkler tự động - Phần 2: Phương pháp thử./.

❖ **BỘ Y TẾ**

Ngày 19/8/2024 Bộ Y tế đã ban hành Quyết định 2462/QĐ-BYT 2024 công nhận sự phù hợp của nguyên tắc, tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm

thuốc của Liên minh Á - Âu, nguyên tắc tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc của Trung Quốc.



Theo đó, Công nhận sự phù hợp của các nguyên tắc, tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc của nước xuất khẩu với nguyên tắc, tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc được Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hoặc công bố áp dụng, cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc của Liên minh Á-Âu (EAEU-GMP) phù hợp với nguyên tắc tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc của Hệ thống hợp tác thanh tra dược phẩm (PIC/S-GMP) được Bộ Y tế công bố áp dụng.

2. Nguyên tắc, tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc của Trung Quốc (Chinese-GMP) phù hợp với nguyên tắc, tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc của Tổ chức Y tế thế giới (WHO-GMP) được Bộ Y tế công bố áp dụng.

Các tài liệu Nguyên tắc tiêu chuẩn Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc của Liên minh Á-Âu (EAEU-GMP) và của Trung Quốc (Chinese-GMP) được sử dụng trong đánh giá đáp ứng Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc của cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc nước ngoài khi đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại Việt Nam.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2024./.

CÔNG NGHỆ TÁI CHẾ NÔNG SỬ DỤNG NHỰA ĐƯỜNG BỌT VÀ XI MĂNG THEO TCVN 13150-3:2024

Công nghệ tái chế nông sử dụng nhựa đường bột và xi măng là sử dụng một hệ thống thiết bị thi công chuyên dụng, trong đó máy chủ là máy tái chế. Nhưng để đảm bảo yêu cầu theo quy định không làm ảnh hưởng tới chất lượng khai thác và an toàn giao thông nên tuân theo hướng dẫn của Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13150-3:2024.



Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13150-3:2024 về lớp vật liệu tái chế nguội tại chỗ dùng cho kết cấu áo đường ô tô- phần 3: công nghệ tái chế nông sử dụng nhựa đường bột và xi măng do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố đưa ra những yêu cầu kỹ thuật về vật liệu, thiết kế hỗn hợp, thi công, kiểm tra và nghiệm thu lớp hỗn hợp nhựa tái chế theo phương pháp nguội tại chỗ (gọi là tái chế nông) sử dụng vật liệu gia cố là nhựa đường bột và xi măng dùng cho kết cấu áo đường ô tô.

Công nghệ này được dùng để sửa chữa, cải tạo và nâng cấp kết cấu áo đường mềm cũ có sử dụng lớp mặt trên cùng là hỗn hợp nhựa sau một thời gian khai thác đã bị xuống cấp hoặc hư hỏng, phát sinh các biến dạng như nứt, lún, lún vệt bánh xe, ổ gà,... ảnh hưởng tới chất lượng khai thác và an toàn giao thông. Công nghệ này áp dụng đối với trường hợp nền đường, móng đường còn tốt.

Yêu cầu về thành phần cấp phối của hỗn hợp nhựa tái chế trước khi được gia cố nhựa đường bột và xi măng cần thỏa mãn về thành phần cấp phối. Hỗn hợp nhựa cũ được coi là có hoạt tính khi nhựa đường thu hồi (nhựa đường cũ) có độ kim lún lớn hơn 10, hoặc có cường độ kéo khi ép chế ở trạng thái ướt ở 25 °C. Nhiệt độ nhựa đường trước khi tạo bột từ (160 ÷ 180)°C. Các đặc tính tạo bột của nhựa đường phải được kiểm tra trong phòng thử nghiệm để xác định các đặc tính tạo bột thông qua tỷ lệ giãn nở (ER) và chu kỳ bán hủy các chỉ tiêu kiểm tra phải thỏa mãn quy định.

Hàm lượng nhựa đường bột nên dùng cho hỗn hợp tái chế thông thường nằm trong khoảng từ 1,6 % đến 2,3 % khối lượng hỗn hợp cốt liệu. Trong trường hợp cần thiết, có thể cần phải sử dụng phụ gia tạo bột để tác động đến các tính chất tạo bột của nhựa đường. Trong trường hợp sử dụng, hầu hết các chất phụ gia tạo bột được đưa vào nhựa đường trước khi nung nóng đến nhiệt độ quy định.

Xi măng có tác dụng làm tăng khả năng dính bám của nhựa đường với cốt liệu, tăng khả năng phân tán của nhựa đường trong hỗn hợp nhựa tái chế, tăng độ cứng của hỗn hợp nhựa tái chế và tăng tốc độ cố kết của hỗn hợp nhựa tái chế khi đầm nén. Xi măng sử dụng là loại phù hợp với quy định tại TCVN 2682 hoặc TCVN 6260. Ngoài ra, xi măng phải có thời gian bắt đầu đông kết tối thiểu là 120 min.

Nước dùng để trộn ẩm hỗn hợp nhựa tái chế khi thiết kế hỗn hợp nhựa tái chế phải thỏa mãn các quy định của TCVN 4506. Không được thi công trong điều kiện trời mưa, cũng không được thi công nếu dự đoán mọi công đoạn không thể hoàn thành trước khi trời mưa. Không được thi công nếu nhiệt độ không khí dưới 5°C.

Vận chuyển và rải xi măng nên dùng xe bồn chuyên dụng và rải xi măng. Công tác kiểm tra, giám sát được tiến hành thường xuyên trước, trong và sau khi thi công. Các quy định về công tác kiểm tra nêu dưới đây là quy định tối thiểu, căn cứ vào tình hình thực tế tại công trường mà có thể tăng tần suất và hạng mục kiểm tra cho phù hợp.

Công tác an toàn lao động và bảo vệ môi trường phải được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành. Trước mỗi ca làm việc phải kiểm tra tất cả các máy móc và thiết bị thi công. Ghi vào sổ trực ban ở hiện trường về tình trạng và các hư hỏng của máy và báo cho người chỉ đạo thi công ở hiện trường kịp thời./.

0

NÂNG CAO NĂNG LỰC ÁP DỤNG TCVN ISO 18091:2020 TRONG QUẢN LÝ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

TCVN ISO 18091:2020 không chỉ đóng vai trò nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương mà còn tạo nền tảng vững chắc để hướng tới phát triển kinh tế, xã hội bền vững tại địa phương.



Tầm quan trọng của TCVN ISO 18091:2020

TCVN ISO 18091:2020 là phiên bản tiêu chuẩn quốc gia của ISO 18091, một tiêu chuẩn quốc tế được Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) ban hành nhằm hướng dẫn việc áp dụng ISO 9001 vào quản lý chính quyền địa phương. Được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố vào ngày 31/12/2020, TCVN ISO 18091:2020 giúp các chính quyền địa phương thực hiện hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng nhu cầu và mong đợi của các tổ chức, cá nhân liên quan, đồng thời hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Tiêu chuẩn này tập trung vào việc xây dựng một chính quyền địa phương minh bạch, có trách nhiệm với cộng đồng và thúc đẩy niềm

tin của người dân thông qua việc cung cấp các dịch vụ công chất lượng cao. Điều này không chỉ giúp cải thiện hiệu quả quản lý, mà còn tạo ra một môi trường hành chính công minh bạch, dân chủ và hiện đại.

Hải Phòng và Thừa Thiên Huế là hai địa phương tiên phong trong cả nước áp dụng thí điểm TCVN ISO 18091:2020. Kết quả từ việc triển khai thí điểm này đã cho thấy những thay đổi tích cực, góp phần cải thiện năng lực quản lý của chính quyền địa phương.

Tại Hải Phòng, việc áp dụng TCVN ISO 18091:2020 đã mang lại sự thay đổi đáng kể trong nhận thức của cán bộ, công chức tại các đơn vị thí điểm. Kết quả là Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Hải Phòng năm 2021 đã tăng lên vị trí thứ 2 trên toàn quốc, và Chỉ số cải cách hành chính của thành phố đã đạt ngôi vị quán quân. Những thành tích này là minh chứng cho sự đóng góp không nhỏ của việc áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và ISO 18091:2020.

Tại Thừa Thiên Huế, UBND các huyện Phú Lộc và Quảng Điền đã thực hiện công bố bộ chỉ số đánh giá quản lý chất lượng tổng thể theo tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 và tiến hành đánh giá, chấm điểm các chỉ số này. Quá trình này đã giúp lãnh đạo địa phương nhận thức rõ hơn về các yếu tố cần cải tiến, từ đó xây dựng các chương trình hành động cụ thể nhằm nâng cao chất lượng quản lý và phục vụ cộng đồng.

Mặc dù đạt được những kết quả khả quan, quá trình triển khai TCVN ISO 18091:2020 cũng đối mặt với không ít thách thức. Thời gian thực hiện ngắn, khối lượng công việc lớn và sự phân bố thời gian chưa hợp lý giữa các đơn vị thí điểm đã ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng triển khai. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các đơn vị và sự hỗ trợ từ các chuyên gia tư vấn, những khó khăn này đã dần được khắc phục, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục nhân rộng mô hình áp dụng tiêu chuẩn này.

Hướng tới sự phát triển bền vững

Để đáp ứng nhu cầu của các địa phương trong việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tổng thể theo TCVN ISO 18091:2020, cần tiếp tục triển khai các khóa đào tạo, hướng dẫn, đồng thời đánh giá năng lực chuyên gia tư vấn nhằm chuẩn hóa năng lực

trong hoạt động đào tạo, tư vấn tại các cấp chính quyền.

Thông qua những kết quả bước đầu từ Hải Phòng và Thừa Thiên Huế, có thể thấy việc áp dụng ISO 18091 là một chiến lược quan trọng trong việc nâng cao chất lượng quản lý tại các địa phương. Trong tương lai, việc mở rộng áp dụng tiêu chuẩn này trên phạm vi toàn quốc sẽ là bước đi cần thiết, giúp các chính quyền địa phương nâng cao năng lực, hướng tới phát triển bền vững và đáp ứng tốt hơn các yêu cầu, mong đợi của người dân.

Việc áp dụng TCVN ISO 18091:2020 là cơ hội để các chính quyền địa phương hoàn thiện hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ công, và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai./.

0

THIẾT KẾ HỆ THỐNG CỬA THÂN XE CỬA CÁC PHƯƠNG TIỆN ĐƯỜNG SẮT THEO TCVN 13898:2023

Trong quá trình khai thác sử dụng, phương tiện giao thông đường sắt cần đảm bảo yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, đặc biệt đối với hệ thống cửa thân xe của phương. Theo đó việc thiết kế mới hệ thống cửa thân xe cho phương tiện đường sắt nên tuân theo hướng dẫn tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13898:2023 ứng dụng đường sắt - hệ thống cửa thân xe do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.



Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13898:2023 áp dụng cho cửa thân xe của tất cả các phương tiện đường sắt được thiết kế mới như tàu điện,

tàu điện ngầm tàu ngoại ô, các đoàn tàu đường sắt quốc gia và tàu cao tốc chở hành khách. Các phương tiện hiện có đang được nâng cấp thiết bị cửa đến mức khả thi phù hợp. Các yêu cầu để thử nghiệm hệ thống cửa ra vào, đề cập đến các cửa vận hành bằng tay và bằng điện. Đối với cửa vận hành bằng tay, không thể áp dụng được các mục tham chiếu tới cửa hoạt động bằng điện.

Theo đó, về yêu cầu kết cấu tối thiểu cửa thân xe phải có chiều rộng lối đi không bị giới hạn tối thiểu 800 mm để cho phép tiếp cận và ra vào không bị cản trở hành khách. Trên các đoàn tàu nếu không có bậc giữa mép của cửa tiếp cận người khuyết tật được chỉ định và khoang liền kề cửa đó khi mở phải có chiều rộng khoảng không sử dụng tối thiểu 1000 mm. Chiều cao tối thiểu cửa phải có chiều cao lối đi không bị giới hạn tối thiểu $l_1 > 1800$ mm.

Yêu cầu chung đối với khu vực lên xuống, các bậc bên ngoài phải có chiều rộng tối thiểu bằng chiều rộng cửa và song song với lối thông cửa. Các bậc bên trong nên tối thiểu bằng chiều rộng cửa và song song với lối thông cửa. Các

bậc phải có bề mặt chống trượt trên toàn bộ khu vực bề mặt có thể sử dụng. Phải bố trí để cho phép nước thoát ra khỏi bề mặt chống trượt.

Phải có phương thức để đảm bảo tiếp cận và thoát hiểm ra hoặc vào độ cao đường ray cho nhân viên trên cửa được chỉ định. Cửa sổ trên phải được trang bị cửa sổ nhìn xuyên qua cho phép hành khách xác định sự xuất hiện của sân ga. Tất cả cửa sổ trên cửa phải được trang bị kính an phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế liên quan.

Độ bền cơ học của cửa phải có khả năng chịu được các lực xuất hiện khi hành khách dựa hoặc ngã lên các cánh cửa mà không gây ra biến dạng phi đàn hồi nào hoặc bị mất sự hoạt động. Hệ thống ra vào phải được thiết kế để chịu được các tác động của các trường hợp tải được xác định cho rung động và chấn động như được quy định cho các vị trí gắn thiết bị trong EN 12663-1.

Khi thiết kế cửa phải sử dụng nhãn để hướng dẫn hành khách sử dụng thiết bị

cửa. Nên áp dụng các ký hiệu thay vì hướng dẫn văn bản. Nhãn được đặt liền kề hoặc trên thiết bị liên quan phải đưa ra thông tin về sự hoạt động của thiết bị.

Ngoài ra tính chống cháy, cách âm, cách nhiệt của cửa và thiết bị liên quan phải được quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật để cho phép đạt được các yêu cầu chống cháy của phương tiện.

Cần tham khảo các điều kiện về thời tiết cho thiết bị đường sắt được đưa ra trong EN 50125-1, như: Dải nhiệt độ, độ ẩm, ô nhiễm, mưa, bão, gió lốc, động đất..

Các yêu cầu về vận hành phải có tín hiệu mở khóa, tạo ra từ sự điều khiển của nhân viên trên tàu hoặc theo hệ thống tự động. Các quy định về an toàn Cảnh báo hành khách trước di chuyển của cửa. Giảm thiểu tối đa lực tác động lên người hoặc vật thể bị kẹp bởi mép cửa. Giảm thiểu rủi ro chấn thương của hành khách do đóng cửa thông qua việc sử dụng thiết kế mép dẫn hướng cửa phù hợp./.

0

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NÔNG SẢN: CHINH PHỤC THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA LÀM BỆ PHÓNG CHO XUẤT KHẨU

Với quy mô dân số hơn 100 triệu người, thị trường tiêu dùng nội địa của Việt Nam đang nổi lên như một thị trường tiềm năng đầy hứa hẹn, đặc biệt trong bối cảnh thị trường xuất khẩu đang đối diện với nhiều biến động. Trong tình hình đó, việc áp dụng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt không chỉ là chìa khóa để nâng cao chất lượng nông sản mà còn là nền tảng vững chắc để nông sản Việt chinh phục thị trường nội địa và mở rộng xuất khẩu.

Thực trạng chất lượng nông sản Việt nam

Theo bà Trịnh Huyền Mai - Phó trưởng Phòng Chính sách - Xúc tiến thương mại, Cục Xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) trong những năm gần đây, chất lượng nông sản Việt

đã có sự cải thiện đáng kể nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe về an toàn thực phẩm, hình thức, mẫu mã và chất lượng dịch vụ cung ứng. Tuy nhiên, một thách thức lớn vẫn tồn tại, đó là việc minh bạch thông tin sản phẩm. Các sản phẩm đạt tiêu chuẩn như VietGAP, GlobalGAP còn chiếm tỷ lệ rất nhỏ, trong khi nhiều sản phẩm khác vẫn thiếu thông tin về nguồn gốc xuất xứ, khiến người tiêu dùng khó lòng kiểm chứng chất lượng.

Ông Nguyễn Minh Tiến - Giám đốc Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), nhận định rằng mặc dù nông sản Việt đã được nhiều thị trường quốc tế đánh giá cao, nhưng người tiêu dùng trong nước lại ít có cơ hội tiếp cận với các sản phẩm chất lượng này. Điều này

phần lớn do các doanh nghiệp ưu tiên xuất khẩu, bởi lợi nhuận từ thị trường quốc tế cao hơn. Bên cạnh đó, cơ chế kiểm soát chất lượng trong nước còn thiếu sót, cùng với thói quen tiêu dùng giá rẻ, đã làm giảm khả năng tiếp cận nông sản đạt tiêu chuẩn của người tiêu dùng trong nước.



Về phía doanh nghiệp bà Nguyễn Thị Kim Dung - Giám đốc Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Hà Nội cho biết, việc đảm bảo các yếu tố pháp lý, đặc biệt là việc truy xuất nguồn gốc và chất lượng hàng hóa, là yếu tố then chốt để nông sản Việt có thể chinh phục người tiêu dùng trong nước. Sự minh bạch trong thông tin sản phẩm sẽ giúp tăng niềm tin của người tiêu dùng, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản Việt trên thị trường.

Ngoài ra, việc phát triển thương mại điện tử và áp dụng công nghệ thông tin vào xúc tiến thương mại cũng là những giải pháp quan trọng giúp nông sản Việt tiếp cận người tiêu dùng một cách rộng rãi, hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

Áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn: Nền tảng nâng cao chất lượng nông sản

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC - CÔNG CỤ QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM HIỆU QUẢ

Người tiêu dùng hiện nay không chỉ đòi hỏi thực phẩm an toàn và đủ dinh dưỡng mà còn kỳ vọng các bên tham gia trong chuỗi cung ứng áp dụng các biện pháp quản lý hiệu quả để định danh, định vị, và

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong hơn 17 năm qua, ngành này đã ban hành 1358 Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và 107 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), trong đó có 448 TCVN và 35 QCVN liên quan đến quản lý vật tư nông nghiệp. Các sản phẩm, hàng hóa thuộc nhóm 2 đã có tiêu chuẩn, quy chuẩn để quản lý, giúp bảo đảm công khai, minh bạch và không gây trở ngại không cần thiết cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, việc rà soát và sửa đổi các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là cần thiết. Năm 2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hủy bỏ 127 QCVN không còn phù hợp với thời gian.

Việc áp dụng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm mà còn là yếu tố then chốt để thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp Việt Nam. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn tạo điều kiện thuận lợi để nông sản Việt chinh phục thị trường trong nước và vươn ra thế giới.

Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người nông dân. Việc tiếp tục rà soát, sửa đổi và hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là điều cần thiết, nhằm đảm bảo chúng phù hợp với thực tiễn sản xuất và yêu cầu của thị trường. Đồng thời, chính sách hỗ trợ từ Nhà nước, đặc biệt là trong việc xây dựng chuỗi cung ứng đạt chuẩn, sẽ là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự ổn định và bền vững cho ngành nông nghiệp và xuất khẩu nông sản của Việt Nam./.

0

chất lượng và an toàn của sản phẩm. Đặc biệt, trong chuỗi cung ứng rau quả tươi, truy xuất nguồn gốc đóng vai trò thiết yếu, giúp các bên tham gia có thể nắm bắt thông tin nhanh chóng và chính xác hơn.



Ông Vũ Đức Hảo - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thái Nguyên, cho biết, việc quản lý truy xuất nguồn gốc đã giúp nhiều sản phẩm có chất lượng được gắn mã số, mã vạch, tem truy xuất nguồn sử dụng mã QR, tạo điều kiện cho việc xây dựng thương hiệu và kết nối tiêu thụ trên thị trường trong và ngoài tỉnh. Hiện tại, Thái Nguyên đã có trên 240 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên và hơn 150 cơ sở đã được hỗ trợ với hơn 6,5 triệu tem truy xuất nguồn gốc gắn mã QR.

Không chỉ ở Thái Nguyên, nhiều tỉnh thành khác cũng đang tích cực triển khai các biện pháp truy xuất nguồn gốc. Tại Ninh Thuận, việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm khai thác đã được thực hiện nghiêm túc, với 100% tàu cá hoạt động vùng khơi đều được kiểm tra trước khi rời cảng và cập cảng. Đặc biệt, Ninh Thuận đã tổ chức hướng dẫn triển khai hệ thống phần mềm truy xuất nguồn gốc thủy sản điện tử, giúp các lực lượng như Bộ đội Biên phòng, cảng cá và Chi cục Thủy sản có thể thao tác trên hệ thống.

Ở Đồng Tháp, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã phối hợp với Trung tâm Mã số mã vạch Quốc gia tổ chức các buổi tập huấn về mã số mã vạch, nhãn hàng hóa và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Qua đó, các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được cung cấp thông tin về lợi ích của mã số mã vạch, hệ thống tiêu chuẩn GS1 toàn cầu, và các quy định liên quan đến truy xuất nguồn gốc.

Theo ông Lương Minh Huân - Viện trưởng Viện Phát triển Doanh nghiệp, trong bối cảnh cạnh tranh thương mại ngày càng khốc liệt, truy xuất nguồn gốc không chỉ giúp doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ từ các khâu sản xuất đến tiêu dùng, mà còn thể hiện sự minh bạch và cam kết của doanh nghiệp đối với chất lượng sản phẩm.

Truy xuất nguồn gốc đã trở thành yêu cầu bắt buộc khi Việt Nam cung cấp hàng hóa ra nhiều thị trường quốc tế. Đại diện Hiệp hội Rau quả Việt Nam (Vinafruit) cho biết các thị trường lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU) đều có những quy định chặt chẽ về truy xuất nguồn gốc. Các doanh nghiệp Việt Nam cần phải đáp ứng những quy định này nếu muốn xuất khẩu sản phẩm.

Bên cạnh đó, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (Bộ Công Thương) cũng nhấn mạnh rằng việc dán tem truy xuất nguồn gốc là một phương tiện hữu hiệu để đảm bảo tính chất và nguồn gốc hàng hóa. Mặc dù việc dán tem này không bắt buộc đối với các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, nhưng nó mang lại nhiều lợi ích cho các sản phẩm này, giúp người tiêu dùng xác minh nguồn gốc, xuất xứ và đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Để đảm bảo minh bạch trong chuỗi cung ứng rau quả tươi, các bên tham gia nên áp dụng theo hướng dẫn tại TCVN 12827:2023 về truy

xuất nguồn gốc. Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu cụ thể cho từng khâu trong chuỗi cung ứng, từ cơ sở trồng trọt, cơ sở đóng gói đến nhà phân phối và bán lẻ. Điều này không chỉ đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc mà còn giúp duy trì mối liên kết thông tin giữa các bên trong chuỗi cung ứng.

Trong bối cảnh hiện nay, truy xuất nguồn

gốc không chỉ là yêu cầu bắt buộc mà còn là yếu tố quyết định đến uy tín và sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp. Việc tuân thủ các quy định về truy xuất nguồn gốc không chỉ giúp đảm bảo an toàn thực phẩm mà còn nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, và chinh phục thị trường thế giới./.

0

XÁC ĐỊNH NHANH TỶ LỆ TƯƠNG ĐỐI CỦA THÀNH PHẦN HẠT BỤI, SÉT TRONG ĐẤT VÀ CỐT LIỆU THEO TCVN 14134-5:2024

Phân tích thành phần hạt là một thí nghiệm cần thiết của đất, đặc biệt là đất hạt bụi từ đó có thể xác định được thành phần chủ yếu của đất là cuội sỏi, cát, bụi hay sét. Tuy nhiên, để đảm bảo các yêu cầu theo quy định thì nên tuân theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14134-5:2024 về đất dùng trong xây dựng đường bộ - phương pháp thử do Bộ Khoa học và Công nghệ Công bố.



Việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14134-5:2024 nhằm xác định nhanh tỷ lệ tương đối của thành phần hạt bụi, sét trong đất và cốt liệu. Tiêu chuẩn được dùng trong xây dựng đường bộ và có thể áp dụng trong các lĩnh vực xây dựng khác. Đối với mục đích đánh giá sự phù hợp với những yêu cầu kỹ thuật quy định tại tiêu chuẩn này, các giá trị quan sát hoặc giá trị tính toán được làm tròn đến đơn vị gần nhất của chữ số cuối cùng bên phải giá trị giới hạn.

Chất lượng các kết quả thí nghiệm theo tiêu chuẩn này phụ thuộc mức độ thành thạo

của người thí nghiệm cũng như năng lực, công tác hiệu chuẩn, và bảo dưỡng của thiết bị sử dụng.

Theo đó các đơn vị thí nghiệm phải đáp ứng yêu cầu AASHTO R 18 (Thiết lập và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đối với các phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng) được xem là có đủ năng lực thực hiện.

Phương pháp thử này được sử dụng để xác định tỷ lệ hạt mịn có hại trong phần vật liệu lọt sàng 4,75 mm của đất và cốt liệu đá dăm. Về kiểm soát nhiệt độ của dung dịch thí nghiệm phải được duy trì tại (22 ± 3) °C trong quá trình thí nghiệm. Nếu điều kiện hiện trường không đảm bảo khoảng nhiệt độ thí nghiệm đã nêu, các mẫu thí nghiệm đối chứng sẽ được chuyển về phòng thí nghiệm để thực hiện trong điều kiện nhiệt độ quy định.

Thiết bị đo đương lượng cát bao gồm ống thử hình trụ bằng nhựa trong suốt được khắc vạch đo, nút cao su, dụng cụ đo số đọc cát, các ống siphon. Cần lấy mẫu vật liệu theo AASHTO R 90 và phải đủ để thu được 1000 g đến 1500 g vật liệu lọt sàng 4,75 mm. Sàng mẫu qua sàng 4,75 mm. Các hạt đất vón cục được làm tơi và sàng qua sàng 4,75 mm. Các hạt mịn dính trên các hạt nằm trên sàng 4,75 mm được thu gom và đưa vào phần lọt sàng.

Chuẩn bị số lượng mẫu thí nghiệm yêu cầu theo một trong hai phương pháp là mẫu khô gió và mẫu có độ ẩm thích hợp. Tiến hành bằng cách để ống thử chứa mẫu đứng yên trong khoảng (10 ± 1) min. Sau thời gian 10 min, đập

nắp ống thử, dốc ngược ống thử đồng thời lắc ống thử để phân tán phần mẫu lắng ở đáy ống. Đưa vòi phun dung dịch vào ống thử, rửa sạch các hạt vật liệu bám xung quanh thành ống, rửa dần dần từ trên xuống bằng cách hạ thấp dần vòi phun. Sau khi rút vòi phun dung dịch ra khỏi ống thử, để ống thử đứng yên khoảng 20 min ± 15 s để mẫu lắng đọng. Bắt đầu tính thời gian ngay từ khi rút vòi ra khỏi ống thử.

Lưu ý khi thí nghiệm được thực hiện ở khu vực không có rung chấn; các rung chấn làm cho vật liệu lơ lửng bị lắng đọng nhanh hơn so với mức bình thường. Không để ống thử dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp khi không cần thiết.

Thỉnh thoảng để loại bỏ sinh vật hữu cơ hình phát triển trong bình chứa, trong lòng các ống siphon, dùng dung dịch tẩy rửa sodium hypoclorit pha loãng. Khi các lỗ tại đầu ống phun dung dịch bị các hạt cát gây tắc nghẽn, nếu không khắc phục được bằng các biện pháp khác, có thể sử dụng kim hoặc vật sắc nhọn để loại bỏ chúng, cần hết sức cẩn thận tránh mở rộng đường kính lỗ phun.

Báo cáo kết quả thí nghiệm gồm các thông tin sau: Loại vật liệu thử nghiệm; Dung dịch gốc sử dụng để thử nghiệm; Phương pháp chuẩn bị mẫu; Phương pháp lắc mẫu; Thời gian mẫu lắng đọng; Giá trị đương lượng cát; Viện dẫn tiêu chuẩn này./.

0

THIẾT LẬP TIÊU CHUẨN CHO ỐNG VÀ PHỤ KIỆN PVC AN TOÀN HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Standards Australia mới đây đã công bố một tiêu chuẩn mới: AS/NZS 5395 , Ống và phụ kiện PVC Thực hành môi trường tốt nhất . Tiêu chuẩn này, là tiêu chuẩn đầu tiên trên thế giới, được phát triển riêng cho ống và phụ kiện PVC.



Tiêu chuẩn sản xuất toàn diện ống nhựa PVC

Tiêu chuẩn mới này áp dụng cho toàn bộ chuỗi cung ứng, từ khâu sản xuất nhựa PVC và sử dụng phụ gia đến khâu sản xuất thành phẩm và cân nhắc đến việc kết thúc vòng đời sản phẩm. Được Hội đồng Xây dựng Xanh của Úc

công nhận, tiêu chuẩn này phù hợp với tầm nhìn về một môi trường xây dựng lành mạnh hơn, bền vững hơn và tuần hoàn hơn. Tiêu chuẩn này đảm bảo rằng ống và phụ kiện PVC của Úc không chứa các chất độc hại như phthalate, dioxin hoặc phụ gia kim loại nặng. Những ống này cung cấp mức độ an toàn cao nhất để dẫn nước uống, bảo vệ nước khỏi các chất gây ô nhiễm. Trên hết, tiêu chuẩn này mang đến cho người tiêu dùng sự an tâm khi biết rằng họ đang lựa chọn các sản phẩm PVC an toàn, thân thiện với môi trường và chất lượng cao.

Theo bà Kareen Riley-Takos, Giám đốc điều hành của Standards Australia, cho biết thêm, “Việc ra mắt tiêu chuẩn này là một bước tiến quan trọng hướng tới phát triển bền vững trong lĩnh vực môi trường và kinh tế. Ngoài việc đảm bảo sự an toàn và chất lượng của ống và phụ kiện PVC, tiêu chuẩn này còn đóng góp đáng kể vào tầm nhìn của chúng tôi về nền kinh tế tuần hoàn. Standards Australia tự hào dẫn đầu trong việc thiết lập các thông lệ môi trường tốt nhất trong ngành PVC, thiết lập chuẩn mực toàn cầu để những người khác noi theo”.

Thực hành môi trường tốt nhất (BEP) PVC và vai trò của nó trong nền kinh tế tuần hoàn BEP PVC là một cách đáng tin cậy, an toàn hơn và thân thiện hơn với môi trường để sản xuất PVC. Tiêu chuẩn này trùng với Thực hành môi trường tốt nhất cho ống và phụ kiện PVC, do công ty Plastics Industry Pipe Association of Australia Limited (PIPA) công bố. Ống và phụ kiện PVC đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế tuần hoàn, sử dụng tài nguyên tốt hơn, có dòng tài nguyên vòng kín và ngăn ngừa chất thải và ô nhiễm thông qua thiết kế của chúng. Chúng an toàn cho con người, hỗ trợ mọi thứ từ cung cấp nước uống, khí đốt và điện cho các cộng đồng trên toàn quốc. Chúng dẫn nước thải, nước mưa và nước mưa một cách an toàn, bảo vệ môi trường của chúng ta và bảo vệ mạng lưới cáp internet rộng lớn của chúng ta. Ống PVC được sử dụng trong các hệ thống tưới tiêu giúp trồng thực phẩm thiết yếu cho chúng ta và phần còn lại của thế giới.

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững với tiêu chuẩn PVC

Mặc dù ống nhựa được coi là một sản phẩm không thân thiện với môi trường, nhưng

bằng những nỗ lực thay đổi, ống nhựa ngày nay đang trở nên có ích khi gắn với mục tiêu về tính bền vững. PVC có thể tái chế 100%, có tuổi thọ kéo dài đến 100 năm và có thể tái chế cơ học từ 8 đến 10 lần mà không làm mất đi các đặc tính kỹ thuật của nó. Trước đây, BEP PVC là phụ lục của năm tiêu chuẩn sản phẩm ống PVC khác nhau. Nhận ra tầm quan trọng của nó, PIPA đã hợp tác với Standards Australia để phát triển AS/NZS 5395 thành một tiêu chuẩn độc lập. Tiêu chuẩn mới được công bố này đánh dấu sự dẫn đầu của Úc trong lĩnh vực BEP PVC.

Bà Cindy Bray, Tổng giám đốc điều hành, PIPA, cho biết: “Việc phát triển tiêu chuẩn mới cho thấy cam kết của ngành ống và phụ kiện nhựa trong việc đảm bảo mức độ an toàn và cân nhắc về môi trường cao nhất. Những thông lệ tốt nhất bao gồm toàn bộ chuỗi cung ứng từ khâu sản xuất, nhà sản xuất và cân nhắc về cuối vòng đời. Chúng tôi tự hào được là một phần của cột mốc quan trọng này trong ngành ống và phụ kiện PVC, góp phần tạo nên một môi trường xây dựng lành mạnh hơn, bền vững hơn và tuần hoàn hơn.”./.

0

BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÁC THIẾT BỊ GIA DỤNG

Thị trường thiết bị gia dụng ngày càng được phát triển, nhất là khi mạng Internet vạn vật được ứng dụng trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, mặt trái của nó là khiến các sản phẩm và hệ thống trở nên phức tạp hơn. Đó là lý do tại sao an toàn cần phải được đặt lên hàng đầu.



An toàn là trên hết

Các thiết bị được kết nối Internet sẽ cung cấp nhiều lợi thế. Ví dụ, lò nướng và rô-bốt dọn dẹp, máy giặt, v.v... có thể được lập trình để tự làm việc mà không cần có người sử dụng. Nhưng những kết nối này không đảm bảo rằng sẽ không có điều gì sai sót trong quá trình sử dụng. Các thiết bị vẫn cần các tính năng an toàn tích hợp như chức năng chống kẹt trong máy nướng bánh mì hoặc cơ chế tự động ngắt nếu sản phẩm quá nóng hoặc trực trực.

Chính vì vậy, tiêu chuẩn quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn thiết bị vì chúng đưa ra các yêu cầu và thông số kỹ thuật được thống nhất trên toàn cầu nhằm đảm bảo mức hiệu suất và độ an toàn tối thiểu.

Bộ tiêu chuẩn IEC 60335 là tiêu chuẩn quốc tế về đảm bảo an toàn cho các thiết bị gia dụng được xây dựng bởi ủy ban tiêu chuẩn IEC. Bộ tiêu chuẩn sẽ bao gồm các thiết bị gia dụng như: tủ lạnh, máy giặt, máy rửa chén, máy sấy tóc, lò vi sóng và máy nướng bánh mì. Tất cả sản phẩm này đều được thống nhất bởi một nguyên tắc trong tiêu chuẩn là đảm bảo độ an toàn.

An ninh mạng là ưu tiên hàng đầu

Khả năng kết nối tăng lên đồng nghĩa với nguy cơ tấn công mạng tăng lên, có thể điều khiển các chức năng như giới hạn nhiệt độ được thiết kế để đảm bảo an toàn cho bạn.

Đó là lý do tại sao tiêu chuẩn IEC 60335 cũng được cập nhật để bao gồm các yêu cầu bảo mật mạng. Mục đích là để bảo vệ chống lại truy cập trái phép và hậu quả tiềm ẩn của nó đối với sự an toàn của người dùng. Tuy nhiên, tiêu chuẩn này không thể đảm bảo hết các tính năng an toàn cho toàn bộ sản phẩm.

Tầm quan trọng của đánh giá sự phù hợp

IECEE là hệ thống đánh giá sự phù hợp của IEC dành cho thiết bị điện kỹ thuật. IECEE cung cấp chương trình chứng nhận thử nghiệm của Cơ quan chứng nhận IECEE HOUS (CBTC) cho các thiết bị gia dụng. Chương trình hoạt động theo cơ quan chứng nhận quốc gia IECEE (NCB), quá trình thực hiện các thử nghiệm có liên quan dựa trên các Tiêu chuẩn IEC áp dụng và phát hành báo cáo thử nghiệm. Sau đó, NCB sẽ xem xét và xác nhận báo cáo này, sau đó sẽ cấp chứng nhận.

Việc áp dụng tiêu chuẩn IEC 60335 và việc công nhận cũng như triển khai của IECEE HOUS CBTC mang lại mức độ đảm bảo cao cho các cơ quan chức năng quốc gia rằng các thiết bị này an toàn. Nó cũng giúp ngăn chặn hàng giả hoặc sản phẩm kém chất lượng được nhập khẩu và/hoặc đưa ra thị trường./.

0

**TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ MỚI
CHO GIAO DIỆN THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN ĐIỆN TỬ THÔNG MINH**

Theo tiểu ban IEC Electropedia , HMI là “màn hình hiển thị, hoặc là một phần của thiết bị điện tử thông minh (IED) hoặc là một thiết bị độc lập, trình bày dữ liệu có liên quan theo định dạng logic, mà người dùng tương tác. HMI thường trình bày các cửa sổ, biểu tượng, menu và con trỏ, và cũng có thể bao gồm bàn phím để cho phép người dùng truy cập và tương tác”.

HMI ngày càng trở nên phổ biến hơn trong nhiều ngành công nghiệp khác nhau, nhất là trong thời đại hiện nay khi tự động hóa và số hóa nắm giữ các quy trình công nghiệp. Chúng thường cho phép người vận hành giám sát và điều khiển nhà máy từ xa mà không phải đi đến tận đây để thực hiện quy trình, điều này càng được ứng dụng mạnh mẽ hơn khi đại dịch Covid-19 xảy ra.



Tiêu chuẩn mới dự kiến sẽ được công bố vào cuối tháng 8 năm 2024. Theo đó, tiêu chuẩn này đề cập đến toàn bộ vòng đời của HMI, từ khi hình thành ý tưởng đến khi ngừng hoạt động. Tiến sĩ Maurice Wilkins, người đồng lãnh đạo dự án tiêu chuẩn, cùng với Dave Board, trong Ủy ban Kỹ thuật IEC 65 , giải thích rằng: "Mục đích của tài liệu này là giải quyết

triết lý, thiết kế, triển khai, vận hành và bảo trì HMI cho các hệ thống tự động hóa, bao gồm nhiều quy trình làm việc". Trong đó, các tiểu ban sẽ chuẩn bị các tiêu chuẩn quốc tế cho các hệ thống và thành phần được sử dụng để đo lường, kiểm soát và tự động hóa quy trình công nghiệp.

Tiêu chuẩn IEC 63303 dựa trên tài liệu của Hoa Kỳ, ANSI/ISA-101.01, HMI cho hệ thống tự động hóa quy trình, được công bố vào năm 2015. Theo ông Wilkins, "Tiêu chuẩn IEC mang tính chuẩn mực và sát với thực tiễn yêu cầu hơn tiêu chuẩn ISA trước đó. Chúng tôi đã dành nhiều thời gian để kiểm tra ứng suất tuân thủ các yêu cầu chuẩn mực của tiêu chuẩn".

Một trong những lợi thế của tiêu chuẩn quốc tế là nó có các ứng dụng ngang trong nhiều ngành công nghiệp. Tiến sĩ Wilkins cho biết thêm: "Tiêu chuẩn IEC 63303 có mục đích chung và tập trung vào thiết kế giao diện người dùng đồ họa và tiêu chí hiệu suất để đảm bảo người vận hành có kiến thức và nhận thức tình huống tốt nhất có thể về quy trình mà họ đang

giám sát".

Các tiểu ban khác trong IEC có thể sử dụng tài liệu này làm cơ sở cho quá trình chuẩn hóa HMI của riêng họ. "Trước đó, tiêu chuẩn đã được đệ trình như một dự án mới vào tháng 3 năm 2020 và chúng tôi đã làm việc trong suốt đại dịch Covid-19, với một số cuộc họp được tổ chức trực tuyến. Cuối cùng, chúng tôi đã đi đến một nơi mà chúng tôi có thể thống nhất một số nội dung bổ sung cuối cùng cho tiêu chuẩn trong một cuộc họp trực tiếp tại London diễn ra cách đây khoảng một năm", Board mô tả, người đồng nghiệp với Tiến sĩ Wilkins dẫn đầu phát triển tiêu chuẩn. Các chuyên gia từ nhiều quốc gia trên thế giới đã tham gia vào quá trình phát triển tiêu chuẩn để đảm bảo tính thống nhất và ứng dụng toàn cầu đối với tiêu chuẩn này.

Tiêu chuẩn này dự kiến sẽ được các công ty sản xuất, triển khai, thiết kế hoặc sử dụng HMI sử dụng trong nhiều quy trình sản xuất khác nhau./.

0

CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN PHÒNG TRÁNH RỦI RO TÂM LÝ XÃ HỘI TẠI NƠI LÀM VIỆC

Để hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong việc quản lý các mối nguy và rủi ro tâm lý xã hội tại nơi làm việc, Standards Australia đã công bố tài liệu mới nhất về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp.



Việc ra mắt bộ tiêu chuẩn diễn ra sau khi Chính phủ New South Wales công bố báo cáo gần đây cho thấy các chỉ số về mặt tâm lý tiêu cực của nhân viên trong quá trình làm việc, trong đó cũng xác định nguy cơ gây hại về mặt tâm lý xã hội tại nơi làm việc ở Úc đang diễn biến ở mức ngày càng cao và tăng. Nhất là sau đại dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần và tâm lý của nhiều nhân viên văn phòng, điều này dẫn đến kết quả và hiệu suất của các cá nhân giảm sút, từ đó ảnh hưởng đến cả một tập thể.

Các mối nguy hiểm về mặt tâm lý xã hội có thể tác động đáng kể đến sức khỏe và hạnh phúc của một cá nhân, với những hậu quả tiêu cực từ sức khỏe kém và các tình trạng liên quan đến hành vi sức khỏe kém, giảm sự hài lòng trong công việc, kết quả cũng như năng suất.

Bộ tiêu chuẩn AS/NZS ISO 45003:2021 của Cơ quan Tiêu chuẩn Úc là Tiêu chuẩn thứ hai được ban hành trong loạt Tiêu chuẩn ISO 45001 về hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, cung cấp hướng dẫn bổ sung cụ thể về rủi ro tâm lý xã hội.

Tiêu chuẩn này được thiết kế để hỗ trợ những cá nhân hay doanh nghiệp đang sử dụng các nguyên tắc của AS/NZ ISO 45001, nhằm điều chỉnh việc quản lý rủi ro tâm lý xã hội theo hệ thống Luật quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp (OH&S) hiện có, với mục đích giúp cho các phương pháp quản lý an toàn trở nên toàn diện và phát huy triệt để các tính năng hơn.

Bộ tiêu chuẩn bao gồm hướng dẫn thực tế về quản lý các mối nguy tâm lý xã hội, bao gồm các ví dụ và biện pháp kiểm soát tiềm năng, đồng thời nhấn mạnh những yếu tố mà các tổ chức cần phải tìm hiểu về các mối nguy hại của tâm lý xã hội đối với các mối nguy khác tại nơi làm việc.

Tài liệu này cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc quản lý rủi ro tâm lý xã hội trong các tình huống công sở và làm rõ mối liên quan của những rủi ro này với nhiều vấn đề khác tại nơi làm việc, bao gồm chuỗi cung ứng và quản lý tình huống khẩn cấp.

Ngoài những tác động tiềm tàng đến sức khỏe và tâm lý của một cá nhân, các mối nguy về mặt tâm lý xã hội có thể có những tác động tiêu cực và làm ảnh hưởng đến năng suất làm việc của một tổ chức nói chung. Những tác động tiêu cực này bao gồm đổi công việc thường xuyên, chi phí mà một doanh nghiệp phải trả cho nhân sự hay giảm chất lượng sản phẩm hoặc dịch vụ, liên tục tuyển dụng và đào tạo người mới, xảy ra kiện tụng tại nơi làm việc và tổn hại đến danh tiếng doanh nghiệp, tổ chức.

Chính vì vậy, bộ tiêu chuẩn AS/NZS ISO 45003:2021 là tài liệu nhằm cung cấp hướng dẫn hữu ích cho các tổ chức doanh nghiệp, tài liệu này mang tính tự nguyện và không thay thế các yêu cầu pháp lý hoặc các yêu cầu khác quy định những gì người có trách nhiệm phải làm liên quan đến rủi ro tâm lý xã hội tại nơi làm việc.

Mặc dù tài liệu này cung cấp hướng dẫn về thông lệ tốt nhất và là công cụ hữu ích hỗ trợ quản lý rủi ro tâm lý xã hội tại nơi làm việc, tuy nhiên, các tổ chức, doanh nghiệp cũng cần phải dựa trên các tuân thủ về pháp luật./

0

HỖ TRỢ CÁC THÀNH PHỐ THÔNG MINH THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Thành phố là một xã hội bao gồm hệ thống và tổ hợp hoạt động như chăm sóc sức khỏe, giao thông, giáo dục, thương mại, v.v... để quản lý một thành phố cần một dữ liệu tổng hợp, lưu trữ khổng lồ. Với sự phát



triển mạnh mẽ của mạng Internet và giờ đây là hệ thống quản lý dữ liệu đám mây, thành phố thông minh cũng dần được ra đời. Có thể hiểu, thành phố thông minh là những thành phố sử dụng dữ liệu và công nghệ kỹ thuật số vào các hoạt động triển khai, đẩy mạnh việc cải thiện chất lượng cuộc sống, dịch vụ thành phố, tính bền vững và khả năng phục hồi.

Tiêu chuẩn quốc tế cũng trở thành một công cụ đắc lực cho các thành phố thông minh vì chúng có thể giúp thành phố quản lý lưu trữ và sử dụng dữ liệu một cách hiệu quả. Ủy ban tiêu chuẩn IEC đã và đang đi đầu trong lĩnh vực này, phát triển các giải pháp cụ thể cho các

thành phố thông minh về việc sử dụng dữ liệu cũng như các giải pháp hỗ trợ số lượng lớn các công nghệ hỗ trợ hệ thống thành phố.

Vai trò của Ủy ban tiêu chuẩn IEC về Thành phố thông minh (SyC Smart Cities) là thúc đẩy phát triển các tiêu chuẩn trong lĩnh vực công nghệ điện để hỗ trợ tích hợp, khả năng tương tác và hiệu quả quản lý của các hệ thống thành phố.

Nói cách khác, là giúp đảm bảo rằng tất cả các tiêu chuẩn liên quan đến thành phố thông minh đang được IEC và các tổ chức phát triển tiêu chuẩn (SDO) khác xây dựng đều cung cấp một bộ hướng dẫn nhất quán và hữu ích, tạo ra một khung nguyên tắc chung thống nhất cách quản lý và phát triển cho tất cả các thành phố thông minh nói chung.

Ngoài ra, họ cũng đã tự phát triển một số tiêu chuẩn nhằm mục đích giúp các nhà quy hoạch đô thị và các bên liên quan khác của thành phố có thể thực hiện quản lý dễ dàng hơn. Bao gồm các tiêu chuẩn IEC SRD 63320 về thu thập và phân tích các trường hợp sử dụng quy hoạch đô thị thông minh, tiêu chuẩn này sẽ áp dụng công nghệ kỹ thuật số để tối ưu hóa

quy trình quy hoạch đô thị. Bộ tiêu chuẩn IEC 63152 về tính liên tục của dịch vụ công trong thành phố, và tiêu chuẩn IEC SRD 62373 về thu thập và phân tích các trường hợp sử dụng cho mô hình thông tin thành phố. Tiêu chuẩn này tập trung xử lý các vấn đề liên quan đến thông tin về quy hoạch và quản lý đô thị trong thành phố, từ đó xây dựng các giải pháp khuyến nghị giải quyết vấn đề, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững cho thành phố.

Theo Phó chủ tịch Thành phố thông minh của IEC SyC, ông Nand Kishor Narang cho biết rằng với cách tiếp cận của SyC, có thể thấy rõ những thách thức của thành phố thông minh đang phải đối mặt, lấy ví dụ về y tế và các cách thức tiếp nhận thông tin, vấn đề có liên quan đến lĩnh vực y tế đang xảy ra sẽ giúp các nhà quản lý dễ hình dung, từ đó xây dựng các cách thức quản lý, giải quyết những vấn đề. Khi đó, các nhà quản lý có thể dễ dàng tiếp cận nhiều lĩnh vực khác nhau dựa trên SyC cũng như các thách thức mà thành phố đang phải đối mặt, qua đó đề xuất ra giải pháp và cuối cùng là giúp nâng cao chất lượng sống của người dân một cách tối ưu hơn./.

0

TIÊU CHUẨN HACCP VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRONG NGÀNH THỰC PHẨM

Tiêu chuẩn HACCP (viết tắt của Hazard Analysis and Critical Control Points) có nghĩa là phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn. Tiêu chuẩn HACCP là một tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý chất lượng trong ngành thực phẩm, dựa trên việc phân tích và kiểm soát các mối nguy, tới hạn trong quá trình sản xuất, chế biến thực phẩm của doanh nghiệp.

Tiêu chuẩn này là nền móng cũng như bằng chứng rõ ràng nhất về quy trình sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

Áp dụng tiêu chuẩn HACCP mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp, có thể kể đến như: Thứ nhất là nâng cao chất lượng sản phẩm, việc áp dụng tiêu chuẩn HACCP giúp làm



giảm các mối nguy có thể xảy ra trong quá trình sản xuất, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm;

Thứ hai là tạo sự tin tưởng với khách hàng, với chứng nhận an toàn thực phẩm, doanh nghiệp sẽ tạo được niềm tin đối với khách hàng thông qua các sản phẩm đảm bảo an toàn chất lượng của mình.

Thứ ba là quản lý rủi ro có thể xảy ra, việc thực hiện theo những nguyên tắc, yêu cầu của HACCP sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế những vấn đề rủi ro trong quá trình sản xuất. Từ đó giảm thiểu việc gặp phải phản nản, khiếu nại về sản phẩm.

Thứ tư là tạo ra môi trường cạnh tranh cao và chiếm ưu thế so với đối thủ, bởi trong bối cảnh thị trường cạnh tranh gay gắt, việc đạt chứng nhận HACCP sẽ giúp doanh nghiệp chiếm ưu thế hơn so với doanh nghiệp đối thủ.



Thứ năm là nâng cao vị thế của doanh nghiệp trên thị trường, việc sở hữu HACCP không những khẳng định chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nâng cao vị thế trên thị trường mà còn là cầu nối giúp doanh nghiệp thực hiện giao thương quốc tế.

Thứ sáu là giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất từ đó tăng doanh thu, việc áp dụng HACCP

đảm bảo mọi bước trong quá trình sản xuất sẽ không xảy ra sai sót làm ảnh hưởng đến mức độ an toàn của sản phẩm. Vì vậy doanh nghiệp có thể giảm thiểu tối đa chi phí sản xuất góp phần tăng doanh thu.

Thứ bảy là cải thiện sức khỏe, an toàn với người sử dụng, áp dụng HACCP trong quá trình sản xuất, sản phẩm sẽ đảm bảo an toàn vệ sinh hơn. Vì thế tình trạng như ngộ độc thức ăn, bệnh lây truyền cũng được hạn chế.

Ngoài ra, người tiêu dùng cũng có thể tự lựa chọn những sản phẩm an toàn thông qua sản phẩm có chứng nhận HACCP.

7 nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn HACCP bao gồm: Nhận diện, phân tích mối nguy; Xác định điểm kiểm soát tới hạn (CCP); Xác định giới hạn tới hạn cho mỗi CCP; Thiết lập thủ tục giám sát CCP; Thiết lập kế hoạch hành động khắc phục khi giới hạn tới hạn bị phá vỡ; Xây dựng thủ tục thẩm tra hệ thống HACCP và cuối cùng là nguyên tắc Thiết lập thủ tục lưu trữ hồ sơ HACCP.

Tiêu chuẩn HACCP thường được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thực phẩm như: Doanh nghiệp, tổ chức có hoạt động kinh doanh sản xuất thực phẩm, đồ uống; Doanh nghiệp, tổ chức có hoạt động kinh doanh sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy sản...; Cơ sở ăn uống, cung cấp dịch vụ ăn uống như nhà hàng, chuỗi cửa hàng đồ ăn nhanh. /.

0

TIÊU CHUẨN ISO 14064 VỀ HỆ THỐNG XÁC MINH VÀ TÍNH TOÁN KHÍ NHÀ KÍNH

ISO 14064 là tiêu chuẩn về Hệ thống xác minh và tính toán khí nhà kính được áp dụng phổ biến hiện nay. Tiêu chuẩn ISO 14064 đưa ra hướng dẫn và yêu cầu rõ ràng về định lượng và xác minh lượng phát thải trong kiểm kê khí nhà kính với 3 tiêu chuẩn con: ISO 14064-1, 14064-2, 14064-3.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu là một thách thức lớn thì hoạt động xác minh và tính toán khí nhà kính có tầm quan trọng đối với việc đánh giá và quản lý tác động của con người



lên biến đổi khí hậu và sự thay đổi trong hệ thống khí quyển.

Theo đó, ISO 14064 là tiêu chuẩn về Hệ thống xác minh và tính toán khí nhà kính được áp dụng phổ biến hiện nay. Tiêu chuẩn ISO 14064 đưa ra hướng dẫn và yêu cầu rõ ràng về định lượng và xác minh lượng phát thải trong kiểm kê khí nhà kính với 3 tiêu chuẩn con: ISO 14064-1, 14064-2, 14064-3.



Cụ thể, tiêu chuẩn ISO 14064-1 cung cấp cơ sở để tính toán lượng phát thải khí nhà kính của một công ty, nghĩa là để thiết lập lượng khí thải carbon của tổ chức. Trong đó, đặt ra các nguyên tắc và yêu cầu về lập kế hoạch, phát triển và báo cáo kiểm kê khí nhà kính. Phiên bản đầu tiên của ISO 14064-1 là ISO 14064-1:2006 được ban hành lần đầu tiên vào tháng 3/2006, sau này được cập nhật với phiên bản mới nhất là ISO 14064-1:2018 vào tháng 12/2018.

Tiêu chuẩn ISO 14064-2 là một hướng dẫn được sử dụng để ghi lại việc loại bỏ khí nhà kính hoặc giảm phát thải ở cấp độ dự án. Phiên bản đầu tiên của ISO 14064-2 là ISO 14064-2:2006 được ban hành vào tháng 3/2006, sau này được cập nhật với phiên bản mới nhất là ISO 14064-2:2019 vào tháng 4/2019.

Tiêu chuẩn ISO 14064-3 quy định cụ thể các nguyên tắc, yêu cầu và cung cấp hướng dẫn cho những người tiến hành hoặc quản lý việc xác nhận và/ hoặc kiểm định các

xác nhận khí nhà kính. Tiêu chuẩn này có thể được áp dụng cho việc định lượng tổ chức hoặc dự án khí nhà kính, bao gồm việc định lượng, giám sát và báo cáo khí nhà kính được thực hiện theo ISO 14064-1 hoặc ISO 14064-2. Phiên bản đầu tiên của tiêu chuẩn này là ISO 14064-3:2006 được ban hành vào tháng 3/2006, phiên bản mới nhất là ISO 14064-3:2019 được ban hành vào tháng 4/2019..

Tiêu chuẩn ISO 14064 đặc biệt hữu ích cho các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, vận chuyển và dịch vụ có ảnh hưởng đến môi trường. Việc áp dụng và sở hữu giấy chứng nhận ISO 14064 mang lại nhiều lợi ích cho tổ chức, doanh nghiệp, có thể kể đến như:

Giúp doanh nghiệp xây dựng được hệ thống

quản lý xác minh và tính toán khí nhà kính đạt chuẩn quốc tế; Là cam kết và bằng chứng về việc tuân thủ các quy định môi trường; Xác định các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí nhà kính; Xây dựng cơ sở để định lượng, quản lý và báo cáo phát thải khí nhà kính;

Theo dõi hiệu suất và tiến bộ trong việc giảm lượng khí thải khí nhà kính và/ hoặc sự gia tăng trong việc loại bỏ khí nhà kính hiệu quả; Nâng cao uy tín và danh tiếng của doanh nghiệp trên thị trường; Thu hút các nhà đầu tư và đối tác kinh doanh quan tâm đến bền vững; Tiết kiệm chi phí qua việc tối ưu hóa quy trình sản xuất và vận hành;...

Có thể nói, chứng nhận ISO 14064 không chỉ là minh chứng về sự cam kết của doanh nghiệp hướng đến phát triển bền vững mà còn là một công cụ quản lý hiệu quả giúp doanh nghiệp tối ưu hóa hoạt động của mình và giảm thiểu các tác động nguy hiểm tới môi trường./.

TIÊU CHUẨN ESG HỖ TRỢ CÁC GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN THƯƠNG MẠI

Tiêu chuẩn này tập trung vào việc công bố thông tin về môi trường nhưng cũng hướng tới mục tiêu chuẩn hóa hoạt động thẩm định xã hội và quản trị đối với các giao dịch bất động sản thương mại.



Bất động sản thương mại (Commercial Real Estate) là loại hình bất động sản được xây dựng và sử dụng với mục đích cho thuê và kinh doanh. Đây là phân hạng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của một quốc gia.

Cụ thể, thúc đẩy phát triển kinh tế: Bất động sản thương mại là nơi diễn ra các hoạt động kinh doanh, sản xuất, lưu trữ hàng hóa, tạo ra việc làm và thu nhập cho người lao động, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước: Bất động sản thương mại là nguồn thu quan trọng cho ngân sách nhà nước thông qua các khoản thuế, phí liên quan.

Tăng cường tính cạnh tranh của nền kinh tế: Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức có được môi trường kinh doanh thuận lợi, từ đó nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế.

Xuất phát từ yêu cầu phát triển phân hạng bất động sản thương mại, Ủy ban đánh giá môi trường, quản lý rủi ro và hành động khắc phục (E50) của ASTM International đang xây dựng một tiêu chuẩn đề xuất sẽ được sử dụng giúp

phân loại các đánh giá về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) cho giao dịch bất động sản thương mại.

Tiêu chuẩn đề xuất (WK91751) tập trung vào việc công bố thông tin về môi trường nhưng cũng hướng đến mục tiêu chuẩn hóa thẩm định xã hội và quản trị cho các giao dịch bất động sản thương mại, kết hợp đánh giá chi phí-lợi ích và phác thảo các số liệu đánh giá rủi ro được nhiều bên liên quan sử dụng.

Theo Emmanuel Hales, một thành viên ASTM tham gia xây dựng tiêu chuẩn đề xuất giải thích rằng, hướng dẫn này sẽ phác thảo mức độ đánh giá và cấu trúc báo cáo ESG có thể được định dạng để phù hợp với hoạt động thẩm định của các tổ chức.

Cũng theo Hales, tiêu chuẩn được đề xuất hỗ trợ thu hẹp quá trình thẩm định ESG rời rạc trong bất động sản thương mại. Bối cảnh bất động sản thương mại sẽ được củng cố thông qua việc cải thiện tính minh bạch và khả năng so sánh, giảm thách thức về công bố thông tin, tăng cường ra quyết định, tạo điều kiện thuận lợi cho phân tích chi phí-lợi ích và phù hợp hơn với xu hướng thị trường.

Các chuyên gia bất động sản thương mại, bên cho vay và tổ chức tài chính, công ty bảo hiểm, nhà đầu tư, chuyên gia về phát triển bền vững và cố vấn ESG có thể sử dụng hướng dẫn này để hỗ trợ cung cấp khuôn khổ tiến hành và báo cáo thẩm định ESG trong các giao dịch bất động sản thương mại. “Hướng dẫn này sẽ đóng vai trò là nguồn tài nguyên có giá trị cho tất cả các bên tham gia vào giao dịch bất động sản thương mại, thúc đẩy cách tiếp cận có hiểu biết và có trách nhiệm hơn đối với các cân nhắc về ESG”, Hales nhấn mạnh. /.

TIÊU CHUẨN ASTM VỀ HÀN NHIỆT CỦA MÀNG ĐỊA KỸ THUẬT TRONG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Lớp lót màng địa kỹ thuật đóng vai trò như một rào cản, kiểm soát sự di chuyển của chất lỏng và khí trong các dự án xây dựng. Tiêu chuẩn mới giúp cải thiện chất lượng mối hàn cho lớp lót màng địa kỹ thuật.



Ủy ban Vật liệu địa tổng hợp ASTM International (D35) đã phê duyệt tiêu chuẩn mới về hàn nhiệt màng địa kỹ thuật, được sử dụng để kiểm soát sự di chuyển của chất lỏng trong các dự án, công trình và hệ thống xây dựng.

Theo thành viên ASTM Eddie Weiser, tiêu chuẩn mới (sắp được công bố với tên gọi D8580) sẽ hướng dẫn cách sử dụng máy hàn nhiệt để hàn lớp lót màng địa kỹ thuật. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn mới cung cấp ý tưởng toàn diện về các yêu cầu đối với máy hàn cũng như biện pháp và điều kiện tốt nhất để tạo ra mối hàn chất lượng.

Nỗ lực này liên quan trực tiếp đến Mục

tiêu phát triển bền vững số 12 của Liên Hợp Quốc về tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm. “Tiêu chuẩn mới nhằm mục đích cải thiện chất lượng mối hàn cho lớp lót màng địa kỹ thuật, cải thiện khả năng ngăn chặn bãi chôn lấp và bảo tồn nước”, Weiser nhấn mạnh.

Đồng thời, Ủy ban carbon đen thu hồi (rCB) của ASTM International (D36) đang xây dựng tiêu chuẩn đề xuất nhằm hướng dẫn người dùng rCB về thời gian lưu trữ vật liệu và tác động của việc lưu trữ kéo dài đối với rCB. Carbon đen thu hồi, vật liệu được làm từ phần còn lại của lốp xe đã qua sử dụng, được ứng dụng trong ngành sản xuất lốp xe, đồ dùng bằng cao su, nhựa và bột màu.

Theo thành viên ASTM Joe Hallett, mục đích của tiêu chuẩn được đề xuất (WK73460) là cung cấp hiểu biết tốt hơn về thời hạn sử dụng của rCB để có thể tránh việc thải bỏ không cần thiết vật liệu tốt.

Hallett cũng cho biết: "Nhiều chất có 'ngày hết hạn sử dụng' để hướng dẫn người dùng khi chất mất đi một số hiệu suất hoặc đặc tính ban đầu. Hướng dẫn này không ngăn cản việc sử dụng sau ngày này nhưng thông báo cho người dùng rằng có thể cần kiểm tra thêm trước khi sử dụng để đảm bảo chất vẫn phù hợp với mục đích sử dụng của họ".

Hallett lưu ý mục đích của tiêu chuẩn được đề xuất là thông báo cho người dùng rCB rằng sau 12 tháng, vật liệu cần được kiểm tra để đảm bảo vẫn phù hợp để sử dụng./.

0

TIÊU CHUẨN ASTM E3445: CẢI THIỆN HỆ THỐNG NHẬN DẠNG KHUÔN MẶT

Tiêu chuẩn mới của ASTM mô tả các bước để xử lý hình ảnh thăm dò nhằm tối đa hóa khả năng tìm kiếm hệ thống nhận dạng khuôn mặt trả về ứng viên tiềm năng.

Hệ thống nhận dạng khuôn mặt là một ứng dụng máy tính tự động xác định hoặc nhận

dạng một người nào đó từ một bức hình ảnh kỹ thuật số hoặc một khung hình video từ một nguồn video. Một trong những cách để thực hiện điều này là so sánh các đặc điểm khuôn mặt chọn trước từ hình ảnh và một cơ sở dữ liệu về khuôn mặt. Hệ thống này thường được

sử dụng trong hệ thống an ninh và có thể được so sánh với các dạng sinh trắc học khác như các hệ thống nhận dạng vân tay hay tròng mắt.



Ủy ban Khoa học pháp y của ASTM International (E30) đã phê duyệt tiêu chuẩn mới giúp cải thiện hiệu suất tìm kiếm nhận dạng khuôn mặt tự động. Tiêu chuẩn mới (sắp được công bố là E3445) giúp cải thiện kết quả tìm kiếm cho những người sử dụng hệ thống nhận dạng khuôn mặt (FRS). Tiêu chuẩn mới mô tả một loạt các bước để xử lý hình ảnh thăm dò nhằm tối đa hóa khả năng tìm kiếm FRS trả về ứng viên tiềm năng.

“Tiêu chuẩn mới giúp chuẩn hóa các bước tìm kiếm hình ảnh trong FRS theo cách tạo ra ít thay đổi nhất đối với hình ảnh. Tiêu chuẩn cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc so sánh kết quả tìm kiếm với hình ảnh gốc. Mọi quá trình xử lý hình ảnh phải ở mức tối thiểu và các ứng viên từ hệ thống phải được so sánh với hình

ảnh gốc chưa qua xử lý”, thành viên ASTM Lora Sims cho biết.

Đồng thời, Ủy ban bê tông và cốt liệu bê tông của ASTM International (C09) đã phê duyệt tiêu chuẩn mới được sử dụng để đánh giá hiệu suất các hợp chất vá sần và phủ mỏng. Các hợp chất này chứa xi măng thủy lực, được sử dụng để cải thiện độ phẳng, độ nhẵn của sàn hiện có. Tiêu chuẩn mới sẽ sớm được công bố với tên gọi C1933/C1933M.

“Mục đích của phương pháp xác định những gì mà ngành công nghiệp tin là phương pháp thử nghiệm tốt nhất để đánh giá hiệu suất của những vật liệu này. Thực hiện các phương pháp thử nghiệm được mô tả trong tiêu chuẩn sẽ giúp người dùng cuối hiểu rõ về các đặc tính kỹ thuật của hợp chất vá sần, phủ mỏng và cũng có thể thực hiện thử nghiệm so sánh với các vật liệu khác do nhà cung cấp khác nhau sản xuất”, thành viên ASTM Charles Alt, trưởng nhóm S&T tại Imerys Norfolk cho biết.

Cũng theo Alt, việc lựa chọn vật liệu có hiệu suất tốt hơn giúp giảm thiểu chất thải tại công trường và mang lại độ bền lâu dài hơn cho người dùng cuối, do đó kéo dài vòng đời sản phẩm. Alt lưu ý sau khi tiêu chuẩn được công bố, ủy ban sẽ bắt đầu tiến hành nghiên cứu liên phòng thí nghiệm để đánh giá khả năng lặp lại và khả năng tái tạo của các phương pháp sử dụng vật liệu. Các phòng thí nghiệm quan tâm được mời tham gia nghiên cứu này./.

0

PHÁT TRIỂN 2 TIÊU CHUẨN ASTM VỀ ĐÁNH GIÁ NƠI LÀM VIỆC

Được phát triển bởi Ủy ban quản lý nguồn nhân lực (E63) hai tiêu chuẩn được đề xuất tập trung vào chiến lược phát triển và đánh giá nơi làm việc.

Môi trường là yếu tố quan trọng và tác động trực tiếp đến tinh thần, năng suất làm việc của nhân viên. Một môi trường làm việc tốt, hiệu quả tích cực, lý tưởng và đạt chuẩn sẽ là động lực để nhân viên tiếp tục cống hiến và gắn bó với doanh nghiệp. Đây cũng chính là “vũ

khí bí mật” mà doanh nghiệp có thể dùng để giữ chân nhân viên.

Xuất phát từ yêu cầu trên, Ủy ban Quản lý nguồn nhân lực (E63) của ASTM International đã công bố hai tiêu chuẩn được đề xuất chiến lược, phát triển và đánh giá về đa dạng, công bằng và hòa nhập (DEI). Tiêu chuẩn WK91417 sẽ giúp tháo gỡ việc tích hợp DEI tại nơi làm việc và tiêu chuẩn WK91418 được sử dụng để hướng dẫn đánh giá DEI.

Các học viên DEI, các nhà lãnh đạo HR và nhà tư vấn khác sẽ thấy các tiêu chuẩn này hữu ích và có thể kết hợp chúng vào các phát triển, đánh giá trong tương lai. Có sự khác biệt về công việc trong lĩnh vực này, vì vậy việc thiết lập các thông lệ tiêu chuẩn chất lượng có thể có lợi.



Sara Taylor, Phó Chủ tịch E63 và Chủ tịch tiểu ban về đa dạng, công bằng và hòa nhập (E63.01) cho rằng, ngoài ra còn có rất nhiều hoạt động kém hiệu quả và không hiệu quả vì quá nhiều cá nhân và nhóm được giao nhiệm vụ thực hiện công việc này cố gắng tự mình tìm ra giải pháp hoặc tham khảo thông lệ chung thay vì thông lệ tốt nhất.

Đồng thời, Ủy ban thể thao dưới nước và tuyết của ASTM International (F27) đã phê duyệt tiêu chuẩn mới phác thảo các phương pháp thử nghiệm mà nhà sản xuất, nhà cung cấp và phòng thử nghiệm trong ngành ván trượt nước có thể sử dụng để kiểm tra độ bền phá vỡ của ván trượt nước. Tiêu chuẩn mới sẽ sớm được công bố với tên gọi F3707.

Các nhà cung cấp và phòng thử nghiệm có thể áp dụng phương pháp thử nghiệm tương tự khi làm việc với nhiều nhà sản xuất để đánh giá độ bền đứt của tất cả các ván lướt sóng. Ngoài ra, thiết lập thử nghiệm và ghi dữ liệu sẽ được hợp lý hóa với tiêu chuẩn mới.

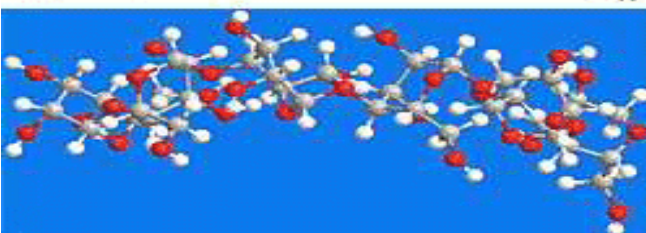
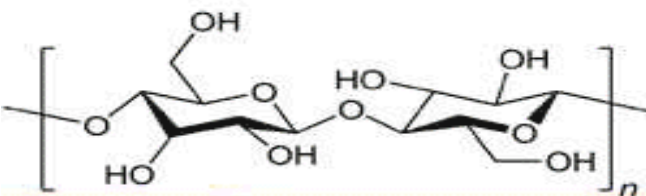
Bethany Suderman, thành viên ASTM giải thích: "Hiện tại, mỗi nhà sản xuất đều sử dụng thiết lập thử nghiệm và thông số kỹ thuật riêng của họ để thử nghiệm độ bền phá vỡ của ván lướt sóng. Phương pháp thử nghiệm này chỉ định cách thiết lập ván lướt sóng trước khi thử nghiệm, cách thức và vị trí tác dụng lực để phá vỡ ván lướt sóng".

F3707 sẽ mang lại lợi ích cho người tiêu dùng do phương pháp thử nghiệm được phổ biến và họ biết rằng ván trượt nước của mình đang được thử nghiệm theo cùng một tiêu chuẩn, bất kể nhà sản xuất nào./.

0

TIÊU CHUẨN MỚI CUNG CẤP PHƯƠNG PHÁP ĐO HÀM LƯỢNG XENLULO

Tiêu chuẩn mới cung cấp phương pháp đo hàm lượng xenlulo trong các mẫu trước và sau khi chuyển đổi từ quá trình sản xuất bioethanol.



Trước tình hình nguồn cung cấp các loại nhiên liệu hoá thạch ngày càng hạn chế, tình trạng cạn kiệt nguồn năng lượng đang trở thành vấn đề đáng lo ngại với nhiều quốc gia. Bên cạnh đó, vấn đề an toàn năng lượng cũng trở nên cấp bách đối với tất cả các nước trên thế giới. Chính phủ nhiều quốc gia đã và đang nỗ lực trong việc tìm kiếm những nguồn năng lượng thay thế, ưu tiên hàng đầu sẽ là các nguồn năng lượng tái sinh và thân thiện với môi trường, một trong số đó là nhiên liệu sinh học.

Nhiên liệu sinh học là thuật ngữ được sử dụng để chỉ nguồn năng lượng được hình thành

từ các hợp chất có nguồn gốc động thực vật (mỡ động vật, dầu dừa,...), ngũ cốc (lúa mì, đậu tương...), chất thải trong nông nghiệp (rơm rạ, phân...), sản phẩm thải trong công nghiệp (mùn cưa, sản phẩm gỗ thải...). Đây là loại nhiên liệu được nhiều quốc gia trên thế giới ưu tiên sản xuất, đi kèm với đó là nhiều yêu cầu về tiêu chuẩn.

Đáng chú ý, Ủy ban Hóa chất công nghiệp và năng lượng sinh học từ sinh khối (E48) của ASTM International đã phát triển phương pháp thử nghiệm tiêu chuẩn mới để đo hàm lượng xenlulo trong các mẫu trước và sau khi chuyển đổi từ sản xuất bioethanol.

Khoảng 17 tỷ gallon bioethanol được sản xuất hàng năm bởi ngành công nghiệp nhiên liệu sinh học của Hoa Kỳ. Các quy trình chuyển đổi sợi hạt ngô tại chỗ (CKF) (1,5G) chuyển đổi đồng thời hàm lượng tinh bột và xenlulo trong sinh khối ngô đã trở nên ngày càng phổ biến. Tuy nhiên, Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) yêu cầu phương pháp phân tích chuẩn

hóa để chỉ định phần ethanol được sản xuất trong các quy trình 1,5G này là xenlulo cho chương trình Tiêu chuẩn Nhiên liệu Tái tạo (RFS) của mình.

“ASTM đã cung cấp phương pháp này và E3417 hiện được nhiều nhà sản xuất bioethanol sử dụng thành công. Tính đến tháng 3, EPA đã phê duyệt các tín chỉ D3 RIN đầu tiên được tạo ra bởi các quy trình 1.5G kể từ năm 2017”, David Mangan, Tiến sĩ, Giám đốc nghiên cứu tại Neogen Corporation và là thành viên ủy ban E48 làm việc về tiêu chuẩn này cho biết.

Theo Mangan, E3417 cũng có thể gián tiếp đóng góp vào quá trình khử cacbon trong du lịch hàng không thông qua việc tăng sản xuất bioethanol xenlulo, loại có lượng khí thải carbon thấp hơn vì ethanol xenlulo có khả năng sử dụng để sản xuất nhiên liệu hàng không bền vững (SAF) thông qua công nghệ chuyển đổi cồn thành nhiên liệu phản lực (ATJ)./.

0



CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 08/2024

❖ **TIÊU CHUẨN QUỐC GIA****TCVN 12653-1:2024**

Phòng cháy chữa cháy. Ống và phụ tùng đường ống CPVC dùng trong hệ thống sprinkler tự động. Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật
Số trang:29

Thay thế: TCVN 12653-1:2019

TCVN 12653-2:2024

Phòng cháy chữa cháy - ống và phụ tùng đường ống cpvc dùng trong hệ thống sprinkler tự động - Phần 2: phương pháp thử
Số trang: 33

Số trang: 33

Thay thế: TCVN 12653-2:2019

TCVN 13965-1:2024

Ứng dụng đường sắt. Hàn ray. Phần 1: Hàn nhiệt nhôm
Số trang:54

TCVN 13965-2:2024

Ứng dụng đường sắt. Hàn ray. Phần 2: Hàn chảy giáp mép
Số trang:52

TCVN 13965-3:2024

Ứng dụng đường sắt. Hàn ray. Phần 3: Hàn khí áp lực
Số trang:36

TCVN 13980:2024

Thiết bị khai thác thủy sản. Câu tay cá ngừ đại dương. Thông số kích thước cơ bản
Số trang:21

TCVN 13997:2024

Lồng tròn HDPE nuôi cá biển quy mô công nghiệp. Yêu cầu kỹ thuật
Số trang:12

Số trang:12

TCVN 14106:2024

Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Hồ sơ bảo vệ cho sản phẩm phát hiện và phản hồi điểm cuối (edr)

Số trang:44

TCVN 14107:2024

Công nghệ thông tin. Các kỹ thuật an toàn. Hồ sơ bảo vệ cho sản phẩm tường lửa ứng dụng WEB
Số trang:91

Số trang:91

TCVN 14138-1:2024

Thiết bị dù lượn. Dù lượn. Phần 1: Yêu cầu và phương pháp thử độ bền kết cấu
Số trang:18

Số trang:18

TCVN 14138-2:2024

Thiết bị dù lượn. Dù lượn. Phần 2: Yêu cầu và phương pháp thử để phân cấp đặc tính an toàn bay
Số trang:65

Số trang:65

TCVN 14139:2024

Thiết bị dù lượn. Đai ngồi. Yêu cầu an toàn và phép thử độ bền
Số trang:30

Số trang:30

TCVN 14140:2024

Thiết bị dù lượn. Dù khẩn cấp. Yêu cầu an toàn và phương pháp thử
Số trang:20

Số trang:20

TCVN 14141:2024

Phương pháp tính toán, xác định tầm hiệu lực của báo hiệu hàng hải
Số trang:28

Số trang:28

TCVN 14182:2024

Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ. Yêu cầu kỹ thuật
Số trang:93

Số trang:93

TCVN 14193:2024

Hệ thống phụ trợ dẫn đường vô tuyến mặt đất. Yêu cầu chung
Số trang:99

Số trang:99

ISO 10050:2024

Lubricants, industrial oils and related products (class L) — Family T (Turbines) — Specifications of triaryl phosphate ester turbine control fluids (category ISO-L-TCD)
Pages: 6

Replaces: ISO 10050:2005

ISO 10313:1993/Amd 1:2024
Ambient air — Determination of the mass concentration of ozone — Chemiluminescence method
Amendment 1: Consensus value for the ozone absorption cross-section at room temperature at the mercury-line wavelength (253,65 nm air)
Pages: 1

Pages: 1

ISO 10555-8:2024

Intravascular catheters — Sterile and single-use catheters
Part 8: Catheters for extracorporeal blood treatment
Pages: 12

ISO 10571:2024

Tyres for mobile cranes and similar specialized machines
Pages: 10

Replaces: ISO 10571:2016

ISO 10714:2024

Steel and iron — Determination of phosphorus content — Phosphovanadomolybdate spectrophotometric method
Pages: 10

Replaces: ISO 10714:1992

ISO 10993-17:2023/DAMD 1

Biological evaluation of medical devices — Part 17: Toxicological risk assessment of medical device constituents
Amendment 1

Amendment 1

Pages: 7

❖ **TIÊU CHUẨN ISO**

ISO 11619:2024

Pneumatic fluid power —
Polyurethane and polyamide
tubings for use primarily in
pneumatic installations —
Dimensions and specification
Pages: 14

ISO 11812:2020/Amd 1:2024

Small craft — Watertight or
quick-draining recesses and
cockpits

Amendment 1

Pages: 10

ISO 11999-4:2024

PPE for firefighters — Test
methods and requirements for
PPE used by firefighters who
are at risk of exposure to high
levels of heat and/or flame
while fighting fires occurring in
structures

Part 4: Gloves

Pages: 18

Replaces: ISO 11999-4:2015

ISO 11999-5:2024

PPE for firefighters — Test
methods and requirements for
PPE used by firefighters who
are at risk of exposure to high
levels of heat and/or flame
while fighting fires occurring in
structures

Part 5: Helmets

Pages: 25

Replaces: ISO 11999-5:2015

ISO 11999-6:2024

PPE for firefighters — Test
methods and requirements for
PPE used by firefighters who
are at risk of exposure to high
levels of heat and/or flame
while fighting fires occurring in
structures

Part 6: Footwear

Pages: 26

Replaces: ISO 11999-6:2016

ISO 1213-2:2024

Coal and coke — Vocabulary
Part 2: Terms relating to
sampling, testing and analysis
Pages: 27

Replaces: ISO 1213-2:2016

ISO 12480-1:2024

Cranes — Safe use

Part 1: General

Pages: 18

Replaces: ISO 12480-1:1997

ISO 12834:2024

Textiles — Synthetic filament
yarns — Determination of
dynamic thermal draw-force of
partially oriented yarns (POY)

Pages: 12

ISO 12843:2024

Plain bearings — Reuse,
recycling and disposal of plain
bearing materials

Pages: 4

ISO 13032:2024

Petroleum and related products
— Determination of low
concentration of sulfur in
automotive fuels — Energy-
dispersive X-ray fluorescence
spectrometric method

Pages: 14

Replaces: ISO 13032:2012

ISO 13271:2012/DAmD 1

Stationary source emissions —
Determination of PM₁₀/PM_{2,5}
mass concentration in flue gas
— Measurement at higher
concentrations by use of virtual
impactors

Amendment 1

Pages: 3

ISO 13351:2024

Fans — Dimensions

Pages: 14

Replaces: ISO 13351:2009

ISO 13431:2024

Geotextiles and geotextile-
related products —
Determination of tensile creep
and creep rupture behaviour
Pages: 13

Replaces: ISO 13431:1999

ISO 13491-1:2024

Financial services — Secure
cryptographic devices (retail)
Part 1: Concepts and
requirements

Pages: 27

Replaces: ISO 13491-1:2016

ISO 13615:2024

Traditional Chinese medicine —
Atractylodes macrocephala
rhizome

Pages: 12

ISO 13948-2:2024

Diesel engines — Fuel injection
pumps and fuel injector low-
pressure connections
Part 2: Non-threaded (push-on)
connections

Pages: 11

Replaces: ISO 13948-2:2016

ISO 13964:1998/Amd 1:2024

Air quality — Determination of
ozone in ambient air —
Ultraviolet photometric method
Amendment 1: Consensus value
for the ozone absorption cross-
section at room temperature at
the mercury-line wavelength
(253,65 nm air)

Pages: 2

ISO 14306-1:2024

Industrial automation systems
and integration — JT file format
specification for 3D
visualization

Part 1: Overview and
fundamental principles

Pages: 5

ISO 14306-2:2024 Industrial automation systems and integration — JT file format specification for 3D visualization Part 2: Vocabulary Pages: 6	Pages: 3 ISO 16840-13:2021/DAmđ 1 Wheelchair seating — Part 13: Determination of the lateral stability property of a seat cushion Amendment 1 Pages: 2	Pages: 6 Replaces: ISO 17544:2004 ISO 17895:2024 Paints and varnishes — Determination of volatile organic compound (VOC) — Gas-chromatographic method with headspace injection for VOC determination Pages: 14
ISO 14427:2024 Carbonaceous materials used in the production of aluminium — Cold and tepid ramming pastes — Preparation of unbaked test specimens and determination of apparent density after compaction Pages: 4 Replaces: ISO 14427:2004	ISO 16881-1:2024 Cranes — Design calculation for wheel/rail contacts and associated trolley track supporting structure Part 1: General Pages: 29 Replaces: ISO 16881-1:2005	ISO 17895:2005 ISO 18497-1:2024 Agricultural machinery and tractors — Safety of partially automated, semi-autonomous and autonomous machinery Part 1: Machine design principles and vocabulary Pages: 17 Replaces: ISO 18497:2018
ISO 14813-1:2024 Intelligent transport systems — Reference model architecture(s) for the ITS sector Part 1: ITS service domains, service groups and services Pages: 121 Replaces: ISO 14813-1:2015	ISO 16890-3:2024 Air filters for general ventilation Part 3: Determination of the gravimetric efficiency and the air flow resistance versus the mass of test dust captured Pages: 22 Replaces: ISO 16890-3:2016	ISO 18497-2:2024 Agricultural machinery and tractors — Safety of partially automated, semi-autonomous and autonomous machinery Part 2: Design principles for obstacle protection systems Pages: 14 Replaces: ISO 18497:2018
ISO 15995:2021/Amd 1:2024 Gas cylinders — Specifications and testing of LPG cylinder valves — Manually operated Amendment 1 Pages: 12	ISO 17256:2024 Anaesthetic and respiratory equipment — Respiratory therapy tubing and connectors Pages: 12	ISO 18497-3:2024 Agricultural machinery and tractors — Safety of partially automated, semi-autonomous and autonomous machinery Part 3: Autonomous operating zones Pages: 9 Replaces: ISO 18497:2018
ISO 16368:2024 Mobile elevating work platforms — Design, calculations, safety requirements and test methods Pages: 106 Replaces: ISO 16368:2010	ISO 17491-5:2024 Protective clothing — Test methods for clothing providing protection against chemicals Part 5: Determination of resistance to penetration by a spray of liquid (manikin spray test) Pages: 11 Replaces: ISO 17491-5:2013	ISO 18497-4:2024 Agricultural machinery and tractors — Safety of partially automated, semi-autonomous and autonomous machinery Part 4: Verification methods and validation principles
ISO 16840-12:2021/DAmđ 1 Wheelchair seating — Part 12: Envelopment and immersion characterization of seat cushions using a dual semispherical indenter Amendment 1	ISO 17544:2024 Carbonaceous materials used in the production of aluminium — Cold and tepid ramming pastes — Determination of rammability of unbaked pastes	

- Pages: 38
Replaces: ISO 18497:2018
ISO 19085-11:2024
Woodworking machines — Safety
Part 11: Combined machines
Pages: 28
Replaces: ISO 19085-11:2020
ISO 19085-4:2024
Woodworking machines — Safety
Part 4: Vertical panel circular sawing machines
Pages: 32
Replaces: ISO 19085-4:2018
ISO 19085-5:2024
Woodworking machines — Safety
Part 5: Dimension saws
Pages: 48
Replaces: ISO 19085-5:2017
ISO 19085-8:2024
Woodworking machines — Safety
Part 8: Wide belt sanding machines and surface treating machines
Pages: 32
Replaces: ISO 19085-8:2017
ISO 19164:2024
Geographic information — Indoor feature model
Pages: 43
ISO 19430:2024
Determination of particle size distribution and number concentration by particle tracking analysis (PTA)
Pages: 42
Replaces: ISO 19430:2016
ISO 20701:2024
Information security, cybersecurity and privacy protection — Information security management systems — Requirements
Pages: 19
Replaces: ISO/IEC 27001:2013
ISO 21012:2024
Cryogenic vessels — Hoses
Pages: 22
Replaces: ISO 21012:2018
ISO 21219-7:2024
Intelligent transport systems — Traffic and travel information (TTI) via transport protocol experts group, generation 2 (TPEG2)
Part 7: Location referencing container (TPEG2-LRC)
Pages: 14
Replaces: ISO/TS 21219-7:2017
ISO 21512:2024
Project, programme and portfolio management — Earned value management implementation guidance
Pages: 139
ISO 21561-2:2024
Styrene-butadiene rubber (SBR) — Determination of the microstructure of solution-polymerized SBR
Part 2: Fourier transform infrared spectrometry (FTIR) with attenuated total reflection (ATR) method
Pages: 15
Replaces: ISO 21561-2:2016
ISO 21573-1:2024
Building construction machinery and equipment — Concrete pumps
Part 1: Commercial specifications
Pages: 22
Replaces: ISO 21573-1:2014
ISO 21898:2024
Packaging — Flexible intermediate bulk containers (FIBCs) for non-dangerous goods
Pages: 35
Replaces: ISO 21898:2004
ISO 22174:2024
Microbiology of the food chain — Polymerase chain reaction (PCR) for the detection and quantification of microorganisms — General requirements and definitions
Pages: 26
Replaces: ISO 20837:2006
ISO 22174:2024
Microbiology of the food chain — Polymerase chain reaction (PCR) for the detection and quantification of microorganisms — General requirements and definitions
Pages: 26
Replaces: ISO 20837:2006
ISO 22195-7:2024
Textiles — Determination of index ingredient from coloured textile
Part 7: Himalayan rhubarb
Pages: 7
ISO 22195-8:2024
Textiles — Determination of index ingredient from coloured textile
Part 8: Hibiscus
Pages: 7
ISO 22359:2024
Security and resilience — Guidelines for hardened protective shelters
Pages: 26
ISO 22459:2024
Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Reinforcement of

ceramic composites — Determination of distribution of tensile strength and tensile strain to failure of filaments within a multifilament tow at ambient temperature Pages: 16 Replaces: ISO 22459:2020 ISO 22638:2024 Rubber — Generation and collection of tyre and road wear particles (TRWP) — Road simulator laboratory method Pages: 7 ISO 23500-1:2024 Preparation and quality management of fluids for haemodialysis and related therapies Part 1: General requirements Pages: 104 Replaces: ISO 23500-1:2019 ISO 23500-2:2024 Preparation and quality management of fluids for haemodialysis and related therapies Part 2: Water treatment equipment for haemodialysis applications and related therapies Pages: 33 Replaces: ISO 23500-2:2019 ISO 23611-5:2024 Soil quality — Sampling of soil invertebrates Part 5: Sampling and extraction of soil macro-invertebrates Pages: 18 Replaces: ISO 23611-5:2011 ISO 23616:2024 Cleaning, inspection and repair of firefighters' personal protective equipment (PPE) Pages: 36	Replaces: ISO 23616:2022 ISO 23725:2024 Autonomous system and fleet management system interoperability Pages: 87 ISO 23793-1:2024 Intelligent transport systems — Minimal risk manoeuvre (MRM) for automated driving Part 1: Framework, straight- stop and in-lane stop Pages: 15 ISO 24089:2023/Amd 1:2024 Road vehicles — Software update engineering Amendment 1 Pages: 1 ISO 24181-1:2024 Rare earth — Determination of non-rare earth impurities in individual rare earth metals and their oxides — ICP-AES Part 1: Analysis of Al, Ca, Mg, Fe and Si Pages: 11 ISO 2419:2024 Leather — Physical and mechanical tests — Specimen and test piece conditioning Pages: 4 Replaces: ISO 2419:2012 ISO 24617-10:2024 Language resource management — Semantic annotation framework (SemAF) Part 10: Visual information Pages: 23 ISO 28401:2024 Fasteners — Hexagon products — Widths across flats Amendment 1 Pages: 1 ISO 2930:2024	Raw, natural rubber — Determination of the plasticity retention index (PRI) Pages: 9 Replaces: ISO 2930:2017 ISO 29463-1:2024 High efficiency filters and filter media for removing particles in air Part 1: Classification, performance, testing and marking Pages: 27 Replaces: ISO 29463-1:2017 ISO 2958:2024 Road vehicles — Exterior protection for passenger cars Pages: 6 Replaces: ISO 2958:1973 ISO 3506-7:2024 Fasteners — Mechanical properties of corrosion- resistant stainless steel fasteners Part 7: Flat washers with specified grades and property classes Pages: 14 ISO 37005:2024 Governance of organizations — Developing indicators for effective governance Pages: 18 ISO 37153:2024 Smart community infrastructures — Maturity model for assessment and improvement Pages: 28 Replaces: ISO 37153:2017 ISO 37175:2024 Smart community infrastructures — Operation and maintenance of utility tunnels
---	--	--

Pages: 21	ISO 5942:2024	Pages: 80
ISO 37176:2024	Bamboo-wood composite for container flooring	Replaces: ISO 6626:1989
Smart community infrastructure —	Pages: 18	ISO 6872:2024
Responsiveness assessment and maturity model	ISO 6085:2023/Amd 1:2024	Dentistry — Ceramic materials
Pages: 16	Building construction machinery and equipment —	Pages: 31
ISO 4649:2024	Self-loading mobile concrete mixers — Safety requirements and verification	Replaces: ISO 6872:2015
Rubber, vulcanized or thermoplastic — Determination of abrasion resistance using a rotating cylindrical drum device	Amendment 1: Vertical test object height for the visibility measurements	ISO 6887-1:2017/Amd 1:2024
Pages: 19	Pages: 1	Microbiology of the food chain — Preparation of test samples, initial suspension and decimal dilutions for microbiological examination — Part 1: General rules for the preparation of the initial suspension and decimal dilutions
Replaces: ISO 4649:2017	ISO 6338-2:2024	Amendment 1: Requirements and guidance on the use of a larger test portion size for qualitative methods
ISO 4941:2024	Calculations of greenhouse gas (GHG) emissions throughout the liquefied natural gas (LNG) chain	Pages: 10
Steel and iron — Determination of molybdenum content — Thiocyanate spectrophotometric method	Part 2: Natural gas production and transport to LNG plant	ISO 6934-5:2024
Pages: 11	Pages: 9	Steel for the prestressing of concrete
Replaces: ISO 4941:1994	ISO 642:2024	Part 5: Hot-rolled steel bars with or without subsequent processing
ISO 5362:2024	Steel — Hardenability test by end quenching (Jominy test)	Pages: 5
Anaesthetic and respiratory equipment – Anaesthetic reservoir bags	Pages: 19	Replaces: ISO 6934-5:1991
Pages: 15	Replaces: ISO 642:1999	ISO 7039:2024
Replaces: ISO 5362:2006	ISO 643:2024	Metallic materials — Tensile testing — Method for evaluating the susceptibility of materials to the effects of high-pressure gas within hollow test pieces
ISO 55011:2024	Steels — Micrographic determination of the apparent grain size	Pages: 9
Asset management — Guidance for the development of public policy to enable asset management	Pages: 46	
Pages: 37	Replaces: ISO 643:2019	
ISO 562:2024	ISO 6518-2:2024	
Hard coal and coke — Determination of volatile matter	Road vehicles — Ignition systems	
Pages: 9	Part 2: Electrical performance and function test methods	
Replaces: ISO 562:2010	Pages: 20	
ISO 5892:2024	Replaces: ISO 6518-2:1995	
Rubber building gaskets — Materials for preformed solid vulcanized structural gaskets — Specification	ISO 6626-1:2024	
Pages: 11	Internal combustion engines — Piston rings	
Replaces: ISO 5892:2013	Part 1: Coil spring loaded oil control rings made of cast iron	

❖ **TIÊU CHUẨN IEC**

IEC 60060-2:2024 PRV
High-voltage test techniques - Part 2: Measuring systems
Pages: 88
Replaces: IEC 60060-2:2010
IEC 60092-379:2024

Electrical installations in ships - Part 379: Symmetrical category cables with transmission characteristics up to 1 000 MHz Pages: 19 IEC 60269-1:2024 RLV Low-voltage fuses - Part 1: General requirements Pages: 265 IEC 60269-1:2024 Low-voltage fuses - Part 1: General requirements Pages: 174 Replaces: IEC 60269-1:2006+AMD1:2009+AMD2:2014 CSV IEC 60269-3:2024 CMV Low-voltage fuses - Part 3: Supplementary requirements for fuses for operation by unskilled persons (fuses mainly for household and similar applications) - Examples of standardized systems of fuses A to F Pages: 357 IEC 60269-3:2024 Low-voltage fuses - Part 3: Supplementary requirements for fuses for operation by unskilled persons (fuses mainly for household and similar applications) - Examples of standardized systems of fuses A to F Pages: 237 Replaces: IEC 60269-3:2010+AMD1:2013+AMD2:2019 CSV IEC 60269-4:2024 CMV Low-voltage fuses - Part 4: Supplementary requirements for fuse-links for the protection of semiconductor devices Pages: 147 Replaces: IEC 60269-4:2009+AMD1:2012+AMD2:2016 CSV	IEC 60269-4:2024 Low-voltage fuses - Part 4: Supplementary requirements for fuse-links for the protection of semiconductor devices Pages: 90 Replaces: IEC 60269-4:2009+AMD1:2012+AMD2:2016 CSV IEC 60300-3-14:2024 Dependability management - Part 3-14: Application guide - Supportability and support Pages: 119 Replaces: IEC 60300-3-14:2004 IEC 60317-27-1/AMD1:2024 PRV Amendment 1 - Specifications for particular types of winding wires - Part 27-1: Paper tape covered round copper wire Pages: 3 Replaces: IEC 60317-27-1:2020 IEC 60335-2-15:2024 PRV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-15: Particular requirements for appliances for heating liquids Pages: 48 IEC 60335-2-43:2024 PRV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-43: Particular requirements for clothes dryers and towel rails Pages: 21 Replaces: IEC 60335-2-43:2002+AMD1:2005+AMD2:2008 CSV IEC 60335-2-80:2024 PRV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-80: Particular requirements for fans Pages: 28 IEC 60335-2-96:2024 PRV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-96: Particular requirements for	flexible sheet heating elements for room heating Pages: 50 IEC 60335-2-101:2024 PRV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-101: Particular requirements for vaporizers Pages: 19 IEC 60335-2-111:2024 PRV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-111: Particular requirements for electric ondol mattress with a non-flexible heated part Pages: 22 IEC 60384-8:2024 RLV Fixed capacitors for use in electronic equipment - Part 8: Sectional specification - Fixed capacitors of ceramic dielectric, Class 1 Pages: 161 IEC 60384-8:2024 Fixed capacitors for use in electronic equipment - Part 8: Sectional specification - Fixed capacitors of ceramic dielectric, Class 1 Pages: 104 Replaces: IEC 60384-8:2015/COR1:2017 IEC 60384-9:2024 RLV Fixed capacitors for use in electronic equipment - Part 9: Sectional specification - Fixed capacitors of ceramic dielectric, Class 2 Pages: 139 IEC 60384-9:2024 Fixed capacitors for use in electronic equipment - Part 9: Sectional specification - Fixed capacitors of ceramic dielectric, Class 2
--	---	--

Pages: 90 Replaces: IEC 60384-9:2015 IEC 60512-28-100:2024 Connectors for electrical and electronic equipment - Tests and measurements - Part 28-100: Signal integrity tests up to 2 000 MHz - Tests 28a to 28g Pages: 97 Replaces: IEC 60512-28-100:2019 IEC 60601-2-16:2024 PRV Medical electrical equipment - Part 2-16: Particular requirements for the basic safety and essential performance of haemodialysis, haemodiafiltration and haemofiltration equipment Pages: 101 Replaces: IEC 60601-2-16:2018 IEC 61643-01:2024 PRV Low-voltage surge protective devices - Part 01: General requirements and test methods Pages: 116 IEC 61786-1:2013 +AMD1:2024 CSV Measurement of DC magnetic, AC magnetic and AC electric fields from 1 Hz to 100 kHz with regard to exposure of human beings - Part 1: Requirements for measuring instruments Pages: 107 IEC 61786-1:2013/AMD1:2024 Amendment 1 - Measurement of DC magnetic, AC magnetic and AC electric fields from 1 Hz to 100 kHz with regard to exposure of human beings - Part 1: Requirements for measuring instruments Pages: 12	IEC 61850-6/AMD2:2024 PRV Amendment 2 - Communication networks and systems for power utility automation - Part 6: Configuration description language for communication in power utility automation systems related to IEDs Pages: 91 IEC 61960-4:2024 CMV Secondary cells and batteries containing alkaline or other non-acid electrolytes - Secondary lithium cells and batteries for portable applications - Part 4: Coin secondary lithium cells, and batteries made from them Pages: 65 IEC 61960-4:2024 Secondary cells and batteries containing alkaline or other non-acid electrolytes - Secondary lithium cells and batteries for portable applications - Part 4: Coin secondary lithium cells, and batteries made from them Pages: 43 IEC 61987-1:2024 PRV Industrial-process measurement and control - Data structures and elements in process equipment catalogues - Part 1: Generic structures for measuring equipment Pages: 58 Replaces: IEC 61987-1:2006 IEC 62198:2024 PRV Managing risk in projects - Application guidelines Pages: 45 Replaces: IEC 62198:2013 IEC 62271-100:2021+AMD1:2024 CSV	High-voltage switchgear and controlgear - Part 100: Alternating-current circuit-breakers Pages: 606 IEC 62271-100:2021/AMD1:2024 Amendment 1 - High-voltage switchgear and controlgear - Part 100: Alternating-current circuit-breakers AMENDMENT Pages: 49 IEC 62341-6-7:2024 PRV Organic light emitting diode (OLED) displays - Part 6-7: Measuring methods of optical characteristics for display with under screen feature Pages: 21 IEC 62381:2024 Automation systems in the process industry - Factory acceptance test (FAT), site acceptance test (SAT), and site integration test (SIT) Pages: 83 IEC 62382:2024 Control systems in the process industry - Electrical and instrumentation loop check Pages: 54 Replaces: IEC 62382:2012 IEC 62443-2-1:2024 Security for industrial automation and control systems - Part 2-1: Security program requirements for IACS asset owners Pages: 189 Replaces: IEC 62443-2-1:2010 IEC 62463:2024 Radiation protection instrumentation - X-ray systems
---	--	--

for the security screening of persons Pages: 26 Replaces: IEC 62463:2010 IEC TS 62607-2-6:2024 Nanomanufacturing - Key control characteristics - Part 2-6: Carbon nanotube-related products - Thermal diffusivity of vertically-aligned carbon nanotubes: flash method Pages: 19 IEC TS 62607-6-30:2024 Nanomanufacturing - Key control characteristics - Part 6-30: Graphene-based material - Anion concentration: Ion chromatography method Pages: 25 IEC TR 62715-5-61:2024 Flexible displays - Part 5-61: Overview of measurement and application scenarios of stretchable displays Pages: 22 IEC 62788-7-3:2022 +AMD1:2024 CSV Measurement procedures for materials used in photovoltaic modules - Part 7-3: Accelerated stress tests - Methods of abrasion of PV module external surfaces Pages: 44 IEC 62788-7-3:2022/AMD1:2024 Amendment 1 - Measurement procedures for materials used in photovoltaic modules - Part 7-3: Accelerated stress tests - Methods of abrasion of PV module external surfaces AMENDMENT Pages: 44 IEC 62841-4-1/	AMD1:2024 PRV Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 4-1: Particular requirements for chain saws Pages: 35 IEC 62899-302-4:2024 Printed electronics - Part 302-4: Medium for inkjet printing dot placement evaluation Pages: 14 IEC 62933-5-1:2024 Electrical energy storage (EES) systems - Part 5-1: Safety considerations for grid-integrated EES systems - General specification Pages: 170 IEC 62974-1:2024 Monitoring and measuring systems used for data collection, aggregation and analysis - Part 1: Device requirements Pages: 63 IEC 63082-2:2024 Intelligent device management - Part 2: Requirements and recommendations Pages: 209 IEC TR 63167:2024 RLV Assessment of contact current related to human exposure to electric, magnetic and electromagnetic fields Pages: 51 Replaces: IEC TR 63167:2018 IEC TR 63167:2024 Assessment of contact current related to human exposure to electric, magnetic and electromagnetic fields Pages: 23 Replaces: IEC TR 63167:2018	IEC 63241-2-3:2024 Electric motor-operated tools - Dust measurement procedure - Part 2-3: Particular requirements for hand-held concrete grinders and disc-type sanders Pages: 21 IEC 63241-2-4:2024 Electric motor-operated tools - Dust measurement procedure - Part 2-4: Particular requirements for hand-held sanders Pages: 10 IEC 63241-2-5:2024 PRV Electric motor-operated tools - Dust measurement procedure - Part 2-5: Particular requirements for hand-held circular saws Pages: 8 IEC 63241-2-11:2024 PRV Electric motor-operated tools - Dust measurement procedure - Part 2-11: Particular requirements for hand-held reciprocating saws Pages: 6 IEC 63272:2024 Nuclear facilities - Electrical power systems - AC interruptible power supply systems Pages: 116 IEC TR 63282:2024 LVDC systems - Assessment of standard voltages and power quality requirements Pages: 96 IEC 63298:2024 Nuclear power plants - Electrical power systems - Coordination and interaction with electric grid
--	--	---

Pages: 50

IEC 63303:2024

Human machine interfaces for process automation systems

Pages: 142

IEC 63338:2024

General guidance on reuse and repurposing of secondary cells and batteries

Pages: 60

IEC 63399:2024 PRV

Household and similar electrical rice cookers - Methods for measuring the performance

Pages: 34

IEC 63439-1-1:2024 PRV

Robotics for electricity generation, transmission, and distribution systems - Part 1-1: General principle - Terminology for electric power robots

Pages: 26

IEC TR 63482:2024

Maintenance of low voltage switchgear and controlgear and their assemblies

Pages: 26

IEC 63522-9:2024 PRV

Electrical relays - Tests and measurements - Part 9: Climatic tests

Pages: 10

IEC 63522-20:2024 PRV

Electrical relays - Tests and Measurements - Part 20: Mechanical endurance

Pages: 7

IEC 63522-21:2024 PRV

Electrical relays - Tests and measurements - Part 21: Thermal endurance

Pages: 11

IEC 63522-29:2024 PRV

Electrical relays - Tests and measurements - Part 29:

Capacitance

Pages: 7

IEC 63522-32:2024 PRV

Electrical relays - Tests and measurements - Part 32:

Acoustic noise

Pages: 9

IEC 63522-56:2024 PRV

Electrical relays - Tests and measurements - Part 56: Ball Pressure test

Pages: 9

IEC TR 63540:2024

Lighting systems - Characteristics for selected outdoor applications

Pages: 16

IEC TS 63542:2024

Refrigerant detection systems for flammable refrigerants

Pages: 18

IEC/IEEE 62582-3:2024 RLV

Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Electrical equipment condition monitoring methods - Part 3:

Elongation at break

Pages: 79

Replaces: IEC/IEEE 62582-3:2012

IEC/IEEE 62582-3:2024

Nuclear power plants - Instrumentation and control important to safety - Electrical equipment condition monitoring methods - Part 3:

Elongation at break

Pages: 51

ISO/IEC 17839-2:2024

Information technology - Biometric System-on-Card - Part 2: Physical characteristics

Pages: 14

ISO/IEC 18004:2024

Information technology - Automatic identification and data capture techniques - QR code bar code symbology specification

Pages: 111

ISO/IEC 18181-1:2024

Information technology - JPEG XL image coding system - Part 1: Core coding system

Pages: 91

Replaces: ISO/IEC 18181-1:2022/AMD1:2022

ISO/IEC TR 19566-9:2024

Information technology - JPEG Systems - Part 9: JPEG extensions mechanisms to facilitate forwards and backwards compatibility

Pages: 17

ISO/IEC 21122-1:2024

Information technology - JPEG XS low-latency lightweight image coding system - Part 1: Core coding system

Pages: 114

Replaces: ISO/IEC 21122-1:2022

ISO/IEC 21122-2:2024

Information technology - JPEG XS low-latency lightweight image coding system - Part 2: Profiles and buffer models

Pages: 61

Replaces: ISO/IEC 21122-2:2022/AMD1:2022

ISO/IEC 21122-3:2024

Information technology - JPEG XS low-latency lightweight image coding system - Part 3: Transport and container formats

Pages: 49

<p>Replaces: ISO/IEC 21122-3:2022 ISO/IEC TR 23002-9:2024 Information technology - MPEG video technologies - Part 9: Film grain synthesis technology for video applications Pages: 48 ISO/IEC 23264-2:2024 Information security - Redaction of authentic data - Part 2: Redactable signature schemes based on asymmetric mechanisms Pages: 58 ISO/IEC 30184:2024 PRV Internet of Things (IoT) - Autonomous IoT object identification in a connected home - Requirements and framework Pages: 21 ISO/IEC 33202:2024 Software and systems engineering - Core agile practices Pages: 42 ISO/IEC/IEEE 8802-15-4:2024 Information technology - Telecommunications and information exchange between systems - Local and metropolitan area networks - Specific requirements - Part 15-4: Wireless medium access control (MAC) and physical layer (PHY) specifications for low-rate wireless personal area networks (WPANs) Pages: 765 Replaces: ISO/IEC/IEEE 8802-15-4:2018 ISO/IEC/IEEE 8802-1Q:2024 Telecommunications and exchange between information</p>	<p>technology systems - Requirements for local and metropolitan area networks - Part 1Q: Bridges and bridged networks Pages: 2088 Replaces: ISO/IEC/IEEE 8802-1Q:2020/AMD31:2021</p> <p>❖ <u>TIÊU CHUẨN BS</u></p> <p>BS EN 50065-2-3:2024 Signalling on low-voltage electrical installations in the frequency range 3 kHz to 148,5 kHz - Immunity requirements for mains communicating equipment operating in the range of frequencies 3 kHz to 95 kHz and intended for use by electricity suppliers and distributors Replace: BS EN 50065-2-3:2003 BS EN ISO 7301:2022+A1:2024 Rice. Specification BS EN 50463-2:2017+A1:2024 Railway applications. Energy measurement on board trains - Energy measuring Replace: BS EN 50463-2:2017 BS EN IEC 61300-2-22:2024 Fibre optic interconnecting devices and passive components. Basic test and measurement procedures - Tests. Change of temperature Replace: BS EN 61300-2-22:2007 BS EN 60317-0-9:2015+A1:2024 Specifications for particular types of winding wires - General</p>	<p>requirements. Enamelled rectangular aluminium wire BS EN 60317-15:2004+A2:2024 Specifications for particular types of winding wires - Polyesterimide enamelled round aluminium wire, class 180 BS EN IEC 60317-73:2018+A1:2024 Specifications for particular types of winding wires - Polyester or polyesterimide overcoated with polyamide-imide enamelled rectangular aluminium wire, class 200 BS EN 13480-1:2024 Metallic industrial piping - General Replace: BS EN 13480-1:2017+A1:2019 BS EN 13480-2:2024 Metallic industrial piping - Materials Replace: BS EN 13480-2:2017+A8:2021 BS ISO 24181-1:2024 Rare earth. Determination of non-rare earth impurities in individual rare earth metals and their oxides. ICP-AES - Analysis of Al, Ca, Mg, Fe and Si BS EN IEC 60384-21:2024 Fixed capacitors for use in electronic equipment - Sectional specification. Fixed surface mount multilayer capacitors of ceramic dielectric, Class 1 Replace: BS EN IEC 60384-21:2019 BS EN IEC 60317-27-3:2019+A1:2024 Specifications for particular types of winding wires - Paper</p>
--	---	---

<p>tape covered rectangular copper wire Replace: BS EN 60317-27:2014 BS EN IEC 60317-27-4:2020+ A1:2024 Specifications for particular types of winding wires - Paper tape covered rectangular aluminium wire BS EN 60317-37:2014+ A1:2024 Specifications for particular types of winding wires - Polyesterimide enamelled round copper wire, class 180, with a bonding layer BS EN 60317-38:2014+ A1:2024 Specifications for particular types of winding wires - Polyester or polyesterimide overcoated with polyamide-imide, enamelled round copper wire, class 200, with a bonding layer Replace: BS EN 60317-38:2014 BS EN IEC 60317-82:2020+ A1:2024 Specifications for particular types of winding wires - Polyesterimide enamelled rectangular copper wire, class 200 BS EN ISO/IEC 27005:2024 Information security, cybersecurity and privacy protection. Guidance on managing information security risks BS ISO 24617-10:2024 Language resource management. Semantic annotation framework (SemAF) - Visual information BS EN IEC 60384-22:2024</p>	<p>Fixed capacitors for use in electronic equipment - Sectional specification. Fixed surface mount multilayer capacitors of ceramic dielectric, Class 2 Replace: BS EN IEC 60384-22:2019 BS EN 60317-36:2014 +A2:2024 Specifications for particular types of winding wires - Solderable polyesterimide enamelled round copper wire, class 180, with a bonding layer BS EN 60317-46:2014+ A1:2024 Specifications for particular types of winding wires - Aromatic polyimide enamelled round copper wire, class 240 BS EN 60317-47:2014+ A1:2024 Specifications for particular types of winding wires - Aromatic polyimide enamelled rectangular copper wire, class 240 BS EN 60317-68:2017+ A2:2024 Specifications for particular types of winding wires - Polyvinyl acetal enamelled rectangular aluminium wire, class 120 Replace: BS EN 60317-68:2017+A1:2019 BS EN 60317-69:2017+ A1:2024 Specifications for particular types of winding wires - Polyester or polyesterimide overcoated with polyamide-imide enamelled rectangular aluminium wire, class 220 BS EN 60317-35:2014+</p>	<p>A2:2024 Specifications for particular types of winding wires - Solderable polyurethane enamelled round copper wire, class 155, with a bonding layer BS EN IEC 60317-74:2018+ A1:2024 Specifications for particular types of winding wires - Polyesterimide enamelled rectangular aluminium wire, class 180 BS ISO 23725:2024 Autonomous system and fleet management system interoperability BS ISO 6518-2:2024 Road vehicles. Ignition systems - Electrical performance and function test methods BS ISO 29463-1:2024 High efficiency filters and filter media for removing particles in air - Classification, performance, testing and marking BS EN 17955:2024 Industrial valves. Functional safety of safety-related automated valves BS IEC 63298:2024 Nuclear Power Plants. Electrical power systems. Coordination and interaction with electric grid BS ISO 4649:2024 Rubber, vulcanized or thermoplastic. Determination of abrasion resistance using a rotating cylindrical drum device Replace: BS ISO 4649:2017 BS EN IEC 62522:2024 Calibration of tuneable laser sources BS EN ISO 24478:2024</p>
---	--	---

Railway applications. Braking. General vocabulary (ISO 24478:2023, including corrected version 2024-04) Replace: BS EN 14478:2017 BS IEC 63272:2024	Information security, cybersecurity and privacy protection. Evaluation criteria for IT security. Patch Management Extension for the ISO/IEC 15408 series and ISO/IEC 18045 BS EN IEC 61158-6-2:2023	Additive manufacturing for construction. Qualification principles. Structural and infrastructure elements BS EN IEC 61158-6-24:2023
Nuclear facilities. Electrical power systems. AC interruptible power supply systems BS ISO 8933-2:2024	Industrial communication networks. Fieldbus specifications - Application layer protocol specification. Type 2 elements Replace: BS EN IEC 61158-6-2:2019 BS ISO 13168:2023	Industrial communication networks. Fieldbus specifications - Application layer protocol specification. Type 24 elements BS ISO/IEC 1539-1:2023
Ships and Marine Technology. Energy efficiency - Energy efficiency of maritime functional systems BS ISO 14813-1:2024	Type 2 elements Replace: BS EN IEC 61158-6-2:2019 BS ISO 13168:2023	Programming languages. Fortran - Base language BS EN ISO 17117-1:2023
Intelligent transport systems. Reference model architecture(s) for the ITS sector - ITS service domains, service groups and services Replace: BS ISO 14813-1:2015 BS EN 60317-8:2010+ A1:2024	Water quality. Simultaneous determination of tritium and carbon 14 activities. Test method using liquid scintillation counting BS ISO 4266-2:2023	Health informatics. Terminological resources - Characteristics BS EN IEC 62819:2023
Specifications for particular types of winding wires - Polyesterimide enamelled round copper wire, class 180 Replace: BS EN 60317-8:1995 BS EN 60317-57:2010+ A1:2024	Petroleum and liquid petroleum products. Measurement of level and temperature in storage tanks by automatic methods - Measurement of level in marine vessels Replace: BS ISO 4266-2:2002 BS EN ISO 14184-3:2023	Live working. Eye, face and head protectors against the effects of electric arc. Performance requirements and test methods BS ISO 7581:2023
Specifications for particular types of winding wires - Polyamide-imide enamelled round copper wire, class 220 BS EN 16942:2024	Textiles. Determination of formaldehyde - Free and hydrolysed formaldehyde (extraction method) by liquid chromatography BS ISO 22195-3:2023	Evaluation of bactericidal activity of a non-porous antimicrobial surface used in a dry environment BS EN ISO 3758:2023
Fuels. Identification of vehicle compatibility. Graphical expression for consumer information BS EN ISO 24252:2022+ A11:2023	Textiles. Determination of index ingredient from coloured textile - Myrobalan BS ISO 4107:2023	Textiles. Care labelling code using symbols Replace: BS EN ISO 3758:2012 BS EN 17795-5:2023
Biogas systems. Non-household and non-gasification BS ISO/IEC TS 9569:2023	Commercial vehicles. Wheel-hub attachment dimensions Replace: BS ISO 4107:2010 BS EN ISO/ASTM 52939:2023	Entertainment technology. Codes of Practice - Lifting and motion operations in the event industry BS ISO 19682:2023
		Furniture. Tables. Test methods for the determination of stability, strength and durability BS IEC 62977-2-11:2023
		Electronic displays - Measurement of optical characteristics. Local luminance and uniformity

BS EN IEC 62477-1:2023

Safety requirements for power electronic converter systems and equipment - General

Replace: BS EN 62477-1:2012+A12:2021

BS ISO 22359:2024

Security and resilience.

Guidelines for hardened protective shelters

BS ISO 10571:2024

Tyres for mobile cranes and similar specialized machines

Replace: BS ISO 10571:2016

BS EN 2467:2024

Aerospace series. Steel

X2CrNi18-9 (1.4307). Air

melted. Softened. Plates, sheets and strips. $0,4 \text{ mm} \leq a \leq 20 \text{ mm}$.

$520 \text{ MPa} \leq R_m \leq 670 \text{ MPa}$

BS EN 4630:2024

Aerospace series. Steel

X4CrNiMo16-5-1 (1.4418). Air

melted. Hardened and

tempered. Forgings. $De \leq 200$

mm. $900 \text{ MPa} \leq R_m \leq 1\ 050 \text{ MPa}$

Replace: BS EN 4630:2014

BS EN 13814-2:2019+**A1:2024**

Safety of amusement rides and amusement devices - Operation, maintenance and use

Replace: BS EN 13814-2:2019

BS EN 13814-3:2019**+A1:2024**

Safety of amusement rides and amusement devices -

Requirements for inspection during design, manufacture, operation and use

Replace: BS EN 13814-3:2019

BS EN ISO 13431:2024

Geotextiles and geotextile-

related products. Determination

of tensile creep and creep rupture behaviour

BS IEC 63241-2-3:2024

Electric motor-operated tools.

Dust measurement procedure -

Particular requirements for hand-held concrete grinders

and disc-type sanders

BS EN 13480-3:2024

Metallic industrial piping -

Design and calculation

BS EN 60317-13:2010**+A1:2024**

Specifications for particular types of winding wires -

Polyester or polyesterimide

overcoated with polyamide-

imide enamelled round copper wire, class 200

Replace: BS EN 60317-13:2010

BS EN 60317-28:2014+**A1:2024**

Specifications for particular types of winding wires -

Polyesterimide enamelled

rectangular copper wire, class

180

Replace: BS EN 60317-28:2014

BS EN 60317-59:2016+**A1:2024**

Specifications for particular types of winding wires -

Polyamide-imide enamelled

round copper wire, class 240

BS EN 18031-1:2024

Common security requirements

for radio equipment - Internet

connected radio equipment

BS EN 18031-2:2024

Common security requirements

for radio equipment - Radio

equipment processing data,

namely Internet connected

radio equipment, childcare

radio equipment, toys radio

equipment and wearable radio equipment

BS EN 18031-3:2024

Common security requirements

for radio equipment - Internet

connected radio equipment

processing virtual money or

monetary value

BS ISO 14427:2024

Carbonaceous materials used in the production of aluminium.

Cold and tepid ramming pastes.

Preparation of unbaked test specimens and determination of

apparent density after

compaction

BS ISO 17544:2024

Carbonaceous materials used in the production of aluminium.

Cold and tepid ramming pastes.

Determination of rammability of unbaked pastes

BS ISO 11999-5:2024

PPE for firefighters. Test

methods and requirements for

PPE used by firefighters who

are at risk of exposure to high

levels of heat and/or flame

while fighting fires occurring in

structures - Helmets

BS ISO/IEC 23078-2:2024

Information technology.

Specification of digital rights

management (DRM) technology

for digital publications - User

key-based protection

BS ISO/IEC 23078-1:2024

Information technology.

Specification of digital rights

management (DRM) technology

for digital publications -

Overview of copyright

protection technologies in use

in the publishing industry

BS ISO/IEC 23078-3:2024

Information technology.
Specification of digital rights management (DRM) technology for digital publications - Device key-based protection

BS EN 15346:2024

Plastics. Recycled plastics.
Characterization of poly(vinyl chloride) (PVC) recyclates
Replace: BS EN 15346:2014

BS EN 480-6:2024

Admixtures for concrete, mortar and grout. Test methods - Infrared analysis

BS ISO 1213-2:2024

Coal and coke. Vocabulary - Terms relating to sampling, testing and analysis
Replace: BS ISO 1213-2:2016

BS ISO 7617-1:2024

Plastics-coated fabrics for upholstery - Specification for PVC-coated knitted fabrics
Replace: BS ISO 7617-1:2001

BS ISO 11999-4:2024

PPE for firefighters. Test methods and requirements for PPE used by firefighters who are at risk of exposure to high levels of heat and/or flame while fighting fires occurring in structures - Gloves

BS EN ISO 8028:2024

Rubber and/or plastics hoses and hose assemblies for airless paint spraying. Specification
Replace: BS EN ISO 8028:2018

BS EN 2821:2024

Aerospace series. Steel X5CrNiCu15-5 (1.4545). Consumable electrode remelted. Solution treated and precipitation treated. Bars for machining. a or $D \leq 200$ mm — $R_m \geq 1\ 310$ MPa

BS ISO/IEC 23264-2:2024

Information security. Redaction of authentic data - Redactable signature schemes based on asymmetric mechanisms

BS ISO 19430:2024

Determination of particle size distribution and number concentration by particle tracking analysis (PTA)

BS EN IEC 60793-1-22:2024

Optical fibres - Measurement methods and test procedures. Length measurement

BS ISO 11999-6:2024

PPE for firefighters. Test methods and requirements for PPE used by firefighters who are at risk of exposure to high levels of heat and/or flame while fighting fires occurring in structures - Footwear

BS ISO 23616:2024

Cleaning, inspection and repair of firefighters' personal protective equipment (PPE)

BS EN 13814-

1:2019+A1:2024

Safety of amusement rides and amusement devices - Design and manufacture

Replace: BS EN 13814-1:2019

BS EN IEC 60793-1-46:2024

Optical fibres - Measurement methods and test procedures. Monitoring of changes in attenuation

BS ISO 13948-2:2024

Diesel engines. Fuel injection pumps and fuel injector low-pressure connections - Non-threaded (push-on) connections
Replace: BS ISO 13948-2:2016

BS ISO 14306-1:2024

Industrial automation systems and integration. JT file format specification for 3D visualization - Overview and fundamental principles

BS EN ISO 15923-1:2024

Water quality. Determination of selected parameters by discrete analysis systems - Ammonium, nitrate, nitrite, chloride, orthophosphate, sulfate and silicate with photometric detection

BS EN 13480-5:2024

Metallic industrial piping - Inspection and testing
Replace : BS EN 13480-5:2017+A2:2021

❖ **TIÊU CHUẨN ASTM**

ASTM D2661-24

Standard Specification for Acrylonitrile-Butadiene-Styrene (ABS) Schedule 40 Plastic Drain, Waste, and Vent Pipe and Fittings
Pages: 9

Replace: ASTM D2661-21

ASTM F1236-24

Standard Guide for Visual Inspection of Electrical Protective Rubber Products
Pages: 18

Replace: ASTM F1236-23

ASTM E2164-24a

Standard Test Method for Directional Difference Test
Pages: 11

Replace: ASTM E2164-24

ASTM D7419-24

Standard Test Method for Determination of Total Aromatics and Total Saturates in Lube Basestocks by High

Performance Liquid Chromatography (HPLC) with Refractive Index Detection Pages: 11 Replace: ASTM D7419-18 ASTM D5761-24 Standard Practice for Emulsification/Suspension of Multiphase Fluid Waste Materials Pages: 4 Replace: ASTM D5761-23 ASTM D8576-24 Standard Test Method for Measuring the Thread Length and Pull-off Force of a Lubricating Grease by using the Falex TAA Instrument Pages: 7 ASTM D4972-19(2024)e1 Standard Test Methods for pH of Soils Pages: 6 Replace: ASTM D4972-19 ASTM D5968-24 Standard Test Method for Evaluation of Corrosiveness of Diesel Engine Oil at 121 °C Pages: 7 Replace: ASTM D5968-19ae1 ASTM D4054-24 Standard Practice for Evaluation of New Aviation Turbine Fuels and Fuel Additives Pages: 49 Replace: ASTM D4054-23 ASTM F2828-24 Standard Test Method for Assessing Carpet Cleaning Effectiveness in Terms of Visual Appearance Change When Cleaned with a Wet Extraction Cleaning System Pages: 20 Replace: ASTM F2828-20	ASTM F3707-24 Standard Test Method for Breaking Strength of Wakeboards Pages: 2 ASTM D5846-24 Standard Test Method for Universal Oxidation Test for Hydraulic and Turbine Oils Using the Universal Oxidation Test Apparatus Pages: 6 Replace: ASTM D5846-07(2017) ASTM D5763-24e1 Standard Test Method for Oxidation and Thermal Stability Characteristics of Gear Oils Using Universal Glassware Pages: 5 Replace: ASTM D5763-24 ASTM D5762-24 Standard Test Method for Nitrogen in Liquid Hydrocarbons, Petroleum and Petroleum Products by Boat-Inlet Chemiluminescence Pages: 6 Replace: ASTM D5762-18a ASTM D4289-24a Standard Test Method for Elastomer Compatibility of Lubricating Greases and Fluids Pages: 9 Replace: ASTM D4289-24 ASTM E3158-24 Standard Test Method for Measuring the Air Leakage Rate of a Large or Multizone Building Pages: 21 Replace: ASTM E3158-18 ASTM F2480-18(2024) Standard Guide for In-ground Concrete Skatepark Pages: 4	Replace: ASTM F2480-18 ASTM F2336-17(2024) Standard Guide for Roller Hockey Playing Facilities Pages: 5 Replace: ASTM F2336-17 ASTM F2157-09(2024) Standard Specification for Synthetic Surfaced Running Tracks Pages: 11 Replace: ASTM F2157-09(2018) ASTM F2334-18(2024) Standard Guide for Above Ground Public Use Skatepark Facilities Pages: 6 Replace: ASTM F2334-18 ASTM F2117-10(2024) Standard Test Method for Vertical Rebound Characteristics of Sports Surface/Ball Systems; Acoustical Measurement Pages: 7 Replace: ASTM F2117-10(2017) ASTM D8256-24a Standard Test Method for Evaluation of Automotive Engine Oils for Inhibition of Deposit Formation in the Sequence VH Spark-Ignition Engine Fueled with Gasoline and Operated Under Low-Temperature, Light-Duty Conditions Pages: 91 Replace: ASTM D8256-24 ASTM D6823-24 Standard Specification for Commercial Boiler Fuels With Used Lubricating Oils Pages: 7
---	---	---

<p>Replace: ASTM D6823-08(2021) ASTM F2389-24a Standard Specification for Pressure-rated Polypropylene (PP) Piping Systems Pages: 11 Replace: ASTM F2389-24 ASTM D8578-24 Standard Test Method for Determination of Biodiesel and Hydrocarbon Types in Middle Distillate and Renewable Diesel Fuels by Supercritical Fluid Chromatography Pages: 9 ASTM D8564-24 Standard Test Method for Determination of Phenolic Antioxidants and Fuel System Icing Inhibitors in Aviation Turbine Fuels Pages: 17 ASTM D6448-24 Standard Specification for Industrial Burner Fuels from Used Lubricating Oils Pages: 6 Replace: ASTM D6448-16(2022) ASTM D3703-18(2024) Standard Test Method for Hydroperoxide Number of Aviation Turbine Fuels, Gasoline and Diesel Fuels Pages: 4 Replace: ASTM D3703-18 ASTM B369/B369M-24 Standard Specification for Copper-Nickel Alloy Castings Pages: 5 Replace: ASTM B369/B369M-20 ASTM E3347/E3347M-24</p>	<p>Standard Specification for Ballistic-Resistant Shields Used by Law Enforcement Officers Pages: 14 Replace: ASTM E3347/E3347M-23 ASTM E1019-24 Standard Test Methods for Determination of Carbon, Sulfur, Nitrogen, and Oxygen in Steel, Iron, Nickel, and Cobalt Alloys by Combustion and Inert Gas Fusion Techniques Pages: 20 Replace: ASTM E1019-18 ASTM C1933/C1933M-24 Standard Test Methods for Floor Patching and Skim Coating Compounds Containing Hydraulic Cements Pages: 4 ASTM C138/C138M-24a Standard Test Method for Density (Unit Weight), Yield, and Air Content (Gravimetric) of Concrete Pages: 6 Replace: ASTM C138/C138M-24 ASTM D6258-17(2024) Standard Test Method for Determination of Solvent Red 164 Dye Concentration in Diesel Fuels Pages: 5 Replace: ASTM D6258-17 ASTM D3136-24 Standard Terminology Relating to Care Labeling for Apparel, Textile, Home Furnishing, and Leather Products Pages: 5 Replace: ASTM D3136-14e1 ASTM C494/C494M-24</p>	<p>Standard Specification for Chemical Admixtures for Concrete Pages: 15 Replace: ASTM C494/C494M-19e1 ASTM F412-24 Standard Terminology Relating to Plastic Piping Systems Pages: 20 Replace: ASTM F412-23 ASTM D227/D227M- 03(2024) Standard Specification for Coal- Tar Saturated Organic Felt Used in Roofing and Waterproofing Pages: 2 Replace: ASTM D227/D227M-03(2018) ASTM C400-19(2024)e2 Standard Test Methods for Quicklime and Hydrated Lime for Neutralization of Waste Acid Pages: 3 Replace: ASTM C400-19(2024)e1 ASTM C127-24 Standard Test Method for Relative Density (Specific Gravity) and Absorption of Coarse Aggregate Pages: 6 Replace: ASTM C127-15 ASTM E309-24 Standard Practice for Eddy Current Examination of Steel Tubular Products Pages: 6 Replace: ASTM E309-16 ASTM C979/C979M-24 Standard Specification for Pigments for Integrally Colored Concrete Pages: 5 Replace: ASTM C979/C979M-16</p>
--	--	--

ASTM C1740-24 Standard Practice for Evaluating the Condition of Concrete Plates Using the Impulse-Response Method Pages: 10 Replace: ASTM C1740-16	and AluminumOxide-Boron Carbide Composite Pellets Pages: 7 Replace: ASTM C809-19	Pages: 4 Replace: ASTM E1312-18
ASTM D6695-24 Standard Practice for Xenon-Arc Exposures of Paint and Related Coatings Pages: 8 Replace: ASTM D6695-16	ASTM C94/C94M-24b Standard Specification for Ready-Mixed Concrete Pages: 16 Replace: ASTM C94/C94M-24a	ASTM C1037-16(2024) Standard Practice for Inspection of Underground Precast Concrete Utility Structures Pages: 3 Replace: ASTM C1037-16
ASTM D861-07(2024)e2 Standard Practice for Use of the Tex System to Designate Linear Density of Fibers, Yarn Intermediates, and Yarns Pages: 2 Replace: ASTM D861-07(2024)e1	ASTM E3163-24 Standard Guide for Contaminated Sediment Site Risk-Based Corrective Action— Selection and Application of Analytical Methods and Test Procedures Pages: 62 Replace: ASTM E3163-18	ASTM F1670/F1670M-24a Standard Test Method for Resistance of Materials Used in Protective Clothing to Penetration by Synthetic Blood Pages: 7 Replace: ASTM F1670/F1670M-24
ASTM E2605-13(2024) Standard Practice for Receiving Assets Pages: 2 Replace: ASTM E2605-13(2019)	ASTM E3416-24 Standard Practice for Competency-based Work-based Learning Programs Pages: 7 Replace: ASTM E3416-23	ASTM E1978-24 Standard Specification for Shelter, Tactical, Expandable, Two-Side Pages: 13 Replace: ASTM E1978-18
ASTM E741-24 Standard Test Method for Determining Air Change in a Single Zone by Means of a Tracer Gas Dilution Pages: 18 Replace: ASTM E741-23	ASTM D3501-24 Standard Test Methods for Wood-Based Structural Panels in Compression Pages: 7 Replace: ASTM D3501-05a(2018)	ASTM E1977-24 Standard Specification for Shelter, Tactical, Expandable, One-Side Pages: 12 Replace: ASTM E1977-18
ASTM D3666-24 Standard Specification for Minimum Requirements for Agencies Testing and Inspecting Road and Paving Materials Pages: 8 Replace: ASTM D3666-16	ASTM F1759-97(2024) Standard Practice for Design of High-Density Polyethylene (HDPE) Manholes for Subsurface Applications Pages: 12 Replace: ASTM F1759-97(2018)	ASTM D6247-18(2024) Standard Test Method for Determination of Elemental Content of Polyolefins by Wavelength Dispersive X-ray Fluorescence Spectrometry Pages: 12 Replace: ASTM D6247-18
ASTM C809-24 Standard Test Methods for Chemical, Mass Spectrometric, and Spectrochemical Analysis of Nuclear-Grade Aluminum Oxide	ASTM E1312-24 Standard Practice for Electromagnetic (Eddy Current) Examination of Ferromagnetic Cylindrical Bar Product Above the Curie Temperature	ASTM C751-24 Standard Specification for Nuclear-Grade Boron Carbide Pellets Pages: 3 Replace: ASTM C751-20
		ASTM C750-24

Standard Specification for Nuclear-Grade Boron Carbide Powder Pages: 3 Replace: ASTM C750-18 ASTM C423-23e1 Standard Test Method for Sound Absorption and Sound Absorption Coefficients by the Reverberation Room Method Pages: 13 Replace: ASTM C423-23 ASTM B428-24 Standard Test Method for Angle of Twist in Rectangular and Square Copper and Copper Alloy Tube Pages: 3 Replace: ASTM B428-09(2018) ASTM F3227/F3227M-24 Standard Specification for Environmental Systems in Aircraft Pages: 12 Replace: ASTM F3227/F3227M-22 ASTM F2697-24 Standard Test Methods for Physical Assault on Overhead Horizontal Fixed Barriers for Detention and Correctional Facilities Pages: 12 Replace: ASTM F2697-15 ASTM E1450-24 Standard Test Method for Tension Testing of Structural Alloys in Liquid Helium Pages: 10 Replace: ASTM E1450-16 ASTM E3423-24 Standard Guide for Forensic Analysis of Explosives By Polarized Light Microscopy	Pages: 9 ASTM D2949-24 Standard Specification for 3.25-in. Outside Diameter Poly(Vinyl Chloride) (PVC) Plastic Drain, Waste, and Vent Pipe and Fittings Pages: 9 Replace: ASTM D2949-22 ASTM F3264-24 Standard Specification for Normal Category Aeroplanes Certification Pages: 14 Replace: ASTM F3264-23 ASTM D6352-24 Standard Test Method for Boiling Range Distribution of Petroleum Distillates in Boiling Range from 174 °C to 700 °C by Gas Chromatography Pages: 18 Replace: ASTM D6352-19e1 ASTM B569-24 Standard Specification for Brass Strip in Narrow Widths and Light Gage for Heat-Exchanger Tubing Pages: 5 Replace: ASTM B569-19 ASTM B130-24 Standard Specification for Commercial Bronze Strip for Bullet Jackets Pages: 7 Replace: ASTM B130-19 ASTM F2236-24 Standard Consumer Safety Specification for Soft Infant and Toddler Carriers Pages: 11 Replace: ASTM F2236-16a ASTM E3184-24 Standard Digital Reference Images for High-Strength	Copper-Base and Nickel-Copper Alloy Castings Pages: 6 ASTM C685/C685M-24 Standard Specification for Concrete Made by Volumetric Batching and Continuous Mixing Pages: 9 Replace: ASTM C685/C685M-17 ASTM D8231-24 Standard Practice for the Use of a Low-Voltage Electronic Scanning System for Detecting and Locating Breaches in Roofing and Waterproofing Membranes Pages: 8 Replace: ASTM D8231-19 ASTM F3710-24 Standard Guide for Structural Durability Component Selection Pages: 4 ASTM E2771-11(2019)e1 Standard Terminology for Homeland Security Applications Pages: 38 Replace: ASTM E2771-11(2019) ASTM E84-24 Standard Test Method for Surface Burning Characteristics of Building Materials Pages: 28 Replace: ASTM E84-23d ASTM E2900-24 Standard Practice for Spacecraft Hardware Thermal Vacuum Bakeout Pages: 10 Replace: ASTM E2900-19 ASTM E1358-24 Standard Test Method for Determination of Moisture
---	---	--

Content of Particulate Wood Fuels Using a Microwave Oven Pages: 2 Replace: ASTM E1358-97(2019) ASTM D891-24 Standard Test Methods for Specific Gravity, Apparent, of Liquid Industrial Chemicals Pages: 5 Replace: ASTM D891-18 ASTM D4439-24a Standard Terminology for Geosynthetics Pages: 7 Replace: ASTM D4439-24e1 ASTM F2743-11(2024) Standard Guide for Coating Inspection and Acute Particulate Characterization of Coated Drug-Eluting Vascular Stent Systems Pages: 11 ASTM F2640-18(2024) Standard Consumer Safety Specification for Booster Seats Pages: 13 ASTM D8579-24 Standard Specification for Polyalkylene Glycol Lubricants Used in Gas Turbines Pages: 8 ASTM A228/A228M-18(2024)e1 Standard Specification for Steel Wire, Music Spring Quality Pages: 5 ASTM F2951-19(2024) Standard Consumer Safety Specification for Baby Monitors Pages: 5 ASTM F2707-10(2024) Standard Safety Performance Specification for Safe Design and Installation of Field	Fabricated Suction-Limiting Vent Systems for Suction Entrapment Prevention in Swimming Pools, Spas, Hot Tubs, and Wading Pools Pages: 4 ASTM A1067/A1067M-12a(2024) Standard Specification for Test Coupons for Steel Castings Pages: 8 ASTM F3343-20(2024) Standard Consumer Safety Specification for Infant Bathers Pages: 10 ASTM F3317-20(2024) Standard Consumer Safety Specification for Infant Floor Seats Pages: 10 ASTM A970/A970M-24 Standard Specification for Headed Steel Bars for Concrete Reinforcement Pages: 10 ASTM A414/A414M-24 Standard Specification for Steel, Sheet, Carbon, and High-Strength, Low-Alloy for Pressure Vessels Pages: 4 ASTM D5253-24 Standard Terminology Relating to Floor Coverings and Textile Upholstered Furniture Pages: 5 ASTM A1124/A1124M-24 Standard Specification for Textured Epoxy-Coated Steel Reinforcing Bars Pages: 8 ASTM E1823-24C Standard Terminology Relating to Fatigue and Fracture Testing Pages: 25	ASTM C825-24 Standard Specification for Precast Concrete Barriers Pages: 4 ASTM E3401/E3401M-24 Standard Practice for Design and Performance of Laminated Glass Subject to Hydrostatic Loads Pages: 4 ASTM E3406-24 Standard Guide for Microspectrophotometry in Forensic Fiber Analysis Pages: 7 ASTM E2368-24 Standard Practice for Strain Controlled Thermomechanical Fatigue Testing Pages: 10 ASTM E2472-12(2018)e4 Standard Test Method for Determination of Resistance to Stable Crack Extension under Low-Constraint Conditions Pages: 26 ASTM C368-88(2024) Standard Test Method for Impact Resistance of Ceramic Tableware Pages: 4 ASTM C202-19(2024)e1 Standard Test Method for Thermal Conductivity of Refractory Brick Pages: 4 ASTM C329-88(2024) Standard Test Method for Specific Gravity of Fired Ceramic Whiteware Materials Pages: 3 ASTM C372-94(2024) Standard Test Method for Linear Thermal Expansion of Porcelain Enamel and Glaze
---	---	---

Frits and Fired Ceramic Whiteware Products by Dilatometer Method
Pages: 4
ASTM C767-24
Standard Test Method for Thermal Conductivity of Carbon Refractories
Pages: 3
ASTM C370-12(2024)
Standard Test Method for Moisture Expansion of Fired Whiteware Products
Pages: 2

❖ **TIÊU CHUẨN JIS**

JIS B 1810:2024
Guidelines for the selection of roller chain drives
Pages: 28
Replaces: JIS B 1810 :2018
JIS C 6122-1-0 :2024
Optical amplifiers-Test methods-Part 1-0: Power and gain parameters
Pages: 14
Replaces: JIS C 6122 -1-0:2020
JIS C 6122-1-1 :2024
Optical amplifiers-Test methods-Part 1-1: Power and gain parameters-Optical spectrum analyzer method
Pages: 32
Replaces: JIS C 6122 -1-1:2011
JIS C 61300-1 :2024
Fiber optic interconnecting devices and passive components-Basic test and measurement procedures-Part 1: General and guidance
Pages: 20
Replaces: JIS C 61300 -1:2019
JIS C 61300-2-5 :2024

Fiber optic interconnecting devices and passive components-Basic test and measurement procedures-Part 2-5: Tests-Strength of optical fiber to device interface-Torsion
Pages: 23
Replaces: JIS C 61300 -2-5:2013
JIS C 6184:2024
Test methods of fiber optic power meters
Pages: 20
Replaces: JIS C 6184 :1993
JIS C 6829:2024
Calibration of fiber optic chromatic dispersion test sets
Pages: 34
Replaces: JIS C 6829: 2005
JIS K 0102-4:2024
Testing methods for industrial water and industrial wastewater-Part 4: Organic substances
Pages: 74
JIS K 6914:2024
Laminated thermosetting tubes
Pages: 16
Replaces: JIS K 6914:1995/
AMENDMENT 1:2006;
JIS K 6914:1995
JIS M 8213:2024
Iron ores-Determination of acid-soluble iron(II)-Potassium dichromate titrimetric method
Pages: 20
Replaces: JIS M 8213 :1995
JIS M 8214-1:2024
Iron ores-Determination of silicon-Part 1: Gravimetric method as silicon dioxide
Pages: 16
Replaces: JIS M 8214 :1995
JIS M 8214-2:2024

iron ores-Determination of silicon-Part 2: Molybdosilicate blue spectrophotometric method
Pages: 14
Replaces: JIS M 8214:1995
JIS M 8216:2024
Iron ores-Determination of phosphorus-Molybdophosphate blue spectrophotometric method
Pages: 26
Replaces: JIS M 8216: 2021
JIS M 8220-1:2024
Iron ores-Determination of aluminium-Part 1: Disodium dihydrogen ethylenediamine tetraacetic acid back titration by zincafter iron separation
Pages: 18
Replaces: JIS M 8220
JIS M 8220-2:2024
Iron ores-Determination of aluminium-Part 2: Flame atomicabsorption spectrometric method
Pages: 18
Replaces: JIS M 8220: 1995
JIS M 8704:2024
Iron ores-Determination of the massand quality characteristic of a lot
Pages: 16
Replaces: JIS M 8704: 2015
JIS M 8715: 2024
Iron ore pellets-Determination of free-swelling index
Pages: 36
Replaces: JIS M 8715:2009/AMENDMENT 1:2017; JIS M8715:2009

❖ **TIÊU CHUẨN DIN**

DIN EN 1991-1-4/NA

National Annex - Nationally determined parameters - Eurocode 1: Actions on structures - Part 1-4: General actions - Wind actions DIN EN 12261 Gas meters - Turbine gas meters; German version EN 12261:2024 DIN EN 12352 Traffic control equipment - Warning and safety light devices; German version EN 12352:2024 DIN EN 12579 Soil improvers and growing media - Sampling; German version EN 12579:2024 DIN EN 12662-1 Liquid petroleum products - Determination of total contamination - Part 1: Middle distillates and diesel fuels; German version EN 12662-1:2024 DIN EN 12662-2 Liquid petroleum products - Determination of total contamination - Part 2: Fatty acid methyl esters; German version EN 12662-2:2024 DIN EN 14325 Protective clothing against chemicals - Test methods and performance classification of chemical protective clothing materials, seams, joins and assemblages; German version EN 14325:2018+A1:2024 DIN EN 14717 Welding and allied processes - Environmental check list; German version EN 14717:2024 DIN EN ISO 4172	Technical product documentation (TPD) - Construction documentation - Drawings for the assembly of prefabricated structures (ISO 4172:2024); German version EN ISO 4172:2024 DIN EN ISO 16021 Absorbent incontinence products for urine and/or faeces - Basic principles for evaluation of single-use adult products from the perspective of users and caregivers (ISO 16021:2024); German version EN ISO 16021:2024 DIN EN ISO 16090-1 Machine tools safety - Machining centres, milling machines, transfer machines - Part 1: Safety requirements (ISO 16090-1:2022, Corrected version 2023-10); German version EN ISO 16090-1:2022 DIN EN ISO 17672 Brazing - Filler metals (ISO 17672:2024); German version EN ISO 17672:2024 DIN EN ISO 17871 Gas cylinders - Quick-release cylinder valves - Specification and type testing (ISO 17871:2020 + Amd.1:2024); German version EN ISO 17871:2020 + A1:2024 DIN EN ISO 19156 Geographic information - Observations, measurements and samples (ISO 19156:2023); English version EN ISO 19156:2023 DIN EN ISO 19160-2 Addressing - Part 2: Assigning and maintaining addresses for objects in the physical world	(ISO 19160-2:2023); English version EN ISO 19160-2:2023 DIN EN ISO 20433 Leather - Tests for colour fastness - Colour fastness to crocking (ISO 20433:2024); German version EN ISO 20433:2024 DIN ISO 965-3 ISO general purpose metric screw threads - Tolerances - Part 3: Limit deviations for screw threads (ISO 965-3:2021) DIN ISO 3951-1 Sampling procedures for inspection by variables - Part 1: Specification for single sampling plans indexed by acceptance quality limit (AQL) for lot-by-lot inspection for a single quality characteristic and a single AQL (ISO 3951-1:2022) DIN ISO 4802-1 Glassware - Hydrolytic resistance of the interior surfaces of glass containers - Part 1: Determination by titration method and classification (ISO 4802-1:2023) DIN ISO 4802-2 Glassware - Hydrolytic resistance of the interior surfaces of glass containers - Part 2: Determination by flame spectrometry and classification (ISO 4802-2:2023) DIN ISO 5593 Rolling bearings - Vocabulary (ISO 5593:2023); Text in German and English DIN ISO 8562 Cycles - Stem wedge angle (ISO 8562:2022) DIN ISO 12151-2
---	---	---

Connections for hydraulic fluid power and general use - Hose fittings - Part 2: Hose fittings with ISO 8434-1 24° cone connector ends with O-rings (ISO 12151-2:2022) DIN ISO 13472-1	Acceptance criteria (ISO 17927-2:2020) DIN ISO 22266-1	1:2024); German version EN ISO/IEC 27006-1:2024 DIN EN 14988
Acoustics - Measurement of sound absorption properties of road surfaces in situ - Part 1: Extended surface method (ISO 13472-1:2022) DIN ISO 16000-41	Mechanical vibration - Torsional vibration of rotating machinery - Part 1: Evaluation of steam and gas turbine generator sets due to electrical excitation (ISO 22266-1:2022, Corrected version 2022-08) VDI 3678 Blatt 1	Children's high chairs - Requirements and test methods; German version EN 14988:2017+A2:2024 DIN EN 15355
Indoor air - Part 41: Assessment and classification (ISO 16000-41:2023) DIN ISO 17325-1	Waste gas and process gas cleaning - Electrostatic precipitators VDI 3805 Blatt 53	Railway applications - Braking - Distributor valves and distributor-isolating devices; German version EN 15355:2019+A1:2023 DIN EN ISO/ASTM 52927
Ships and marine technology - Marine environment protection - Oil booms - Part 1: Design requirements (ISO 17325-1:2014) DIN ISO 17325-2	Product data exchange in the building services - Control cabinets VDI 6230 Blatt 1	Additive manufacturing - General principles - Main characteristics and corresponding test methods (ISO/ASTM 52927:2024); German version EN ISO/ASTM 52927:2024 DIN EN ISO 9288
Ships and marine technology - Marine environment protection - Oil booms - Part 2: Strength and performance requirements (ISO 17325-2:2014) DIN ISO 17325-4	Measurement of liquid tightness with air testing systems DIN ISO 37000	Thermal insulation - Heat transfer by radiation - Vocabulary (ISO 9288:2022); German version EN ISO 9288:2022 DIN EN ISO 11427
Ships and marine technology - Marine environment protection - Oil booms - Part 4: Auxiliary equipment (ISO 17325-4:2018) DIN ISO 17927-1	Governance of organizations - Guidance (ISO 37000:2021) DIN ISO 24183	Jewellery and precious metals - Determination of silver - Potentiometry using potassium bromide (ISO 11427:2024); German version EN ISO 11427:2024 DIN EN ISO 81060-2
Welding for aerospace applications - Fusion welding of metallic components - Part 1: Process specification (ISO 17927-1:2020) DIN ISO 17927-2	Technical communication - Vocabulary (ISO 24183:2024) DIN EN ISO 18393-1	Non-invasive sphygmomanometers - Part 2: Clinical investigation of intermittent automated measurement type (ISO 81060-2:2018 + Amd.1:2020 + Amd.2:2024); German version EN ISO 81060-2:2019 + A1:2020 + A2:2024 DIN EN ISO 12183
Welding for aerospace applications - Fusion welding of metallic components - Part 2:	Thermal insulation products - Determination of settlement - Part 1: Loose-fill insulation for ventilated attics simulating humidity and temperature cycling (ISO 18393-1:2023); German version EN ISO 18393-1:2023 DIN EN ISO/IEC 27006-1	
	Information security, cybersecurity and privacy protection - Requirements for bodies providing audit and certification of information security management systems - Part 1: General (ISO/IEC 27006-	

<p>Nuclear fuel technology - Controlled-potential coulometric measurement of plutonium (ISO 12183:2024); English version EN ISO 12183:2024 DIN EN ISO 12417-1</p> <p>Cardiovascular implants and extracorporeal systems - Vascular device-drug combination products - Part 1: General requirements (ISO 12417-1:2024); German version EN ISO 12417-1:2024 DIN EN ISO 13165-1</p> <p>Water quality - Radium-226 - Part 1: Test method using liquid scintillation counting (ISO 13165-1:2022); German version EN ISO 13165-1:2024 DIN EN ISO 15189</p> <p>Medical laboratories - Requirements for quality and competence (ISO 15189:2022); German version EN ISO 15189:2022 + A11:2023 DIN EN ISO 16000-9</p> <p>Indoor air - Part 9: Determination of the emission of volatile organic compounds from samples of building products and furnishing - Emission test chamber method (ISO 16000-9:2024); German version EN ISO 16000-9:2024 DIN EN ISO 10240</p> <p>Small craft - Owner's manual (ISO 10240:2022); German version EN ISO 10240:2024 DIN EN 15502-1</p> <p>Gas-fired heating boilers - Part 1: General requirements and tests; German version EN 15502-1:2021+A1:2023 DIN EN 15502-2-1</p>	<p>Gas-fired central heating boilers - Part 2-1: Specific standard for type C appliances and type B2, B3 and B5 appliances of a nominal heat input not exceeding 1000 kW; German version EN 15502-2-1:2022+A1:2023 DIN EN 16005</p> <p>Power operated pedestrian doorsets - Safety in use - Requirements and test methods; German version EN 16005:2023+A1:2024 DIN EN 16116-2</p> <p>Railway applications - Design requirements for steps, handrails and associated access for staff - Part 2: Freight wagons; German version EN 16116-2:2024 DIN EN 16783</p> <p>Thermal insulation products - Environmental Product Declarations (EPD) - Product Category Rules (PCR) complementary to EN 15804 for factory made and in-situ formed products; German version EN 16783:2024 DIN EN 17879</p> <p>Event structures - Safety requirements; German version EN 17879:2023 DIN EN 17892</p> <p>Water quality - Determination of selected per- and polyfluoroalkyl substances in drinking water - Method using liquid chromatography/tandem-mass spectrometry (LC-MS/MS); German version EN 17892:2024 DIN EN 17921</p>	<p>Natural gas fuelling stations - LNG unloading connector; German version EN 17921:2024 DIN EN 17921</p> <p>Natural gas fuelling stations - LNG unloading connector; German version EN 17921:2024 DIN EN 17952</p> <p>Value Management - Function Analysis: Basic characteristics, Requirements and guidance for implementation; English version EN 17952:2024 DIN EN 17970</p> <p>Ductile iron pipes - Push-in joints for ductile iron pipe systems - Resistance against root penetration - Requirements and test methods; German version EN 17970:2024 DIN EN ISO 3164</p> <p>Earth-moving machinery - Laboratory evaluations of protective structures - Specifications for deflection-limiting volume (ISO 3164:2013 + Amd.1:2024); German version EN ISO 3164:2013 + A1:2024 DIN EN ISO 3677</p> <p>Filler metal for brazing - Designation (ISO 3677:2024); German version EN ISO 3677:2024 DIN EN ISO 3834-6</p> <p>Quality requirements for fusion welding of metallic materials - Part 6: Guidelines on implementing the ISO 3834 series (ISO 3834-6:2024); German version EN ISO 3834-6:2024</p>
---	--	---

❖ **Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)**

UL 19 Edition 14, 2024

Standard for Lined Fire Hose and Hose Assemblies

UL 67 Edition 13, 2024

Standard for Panelboards

UL 80 Edition 12, 2024

Standard for Steel Tanks for Oil-Burner Fuels and Other Combustible Liquids

UL 127 Edition 9, 2024

Standard for Factory-Built Fireplaces

UL 144 Edition 9, 2024

LP-Gas Regulators and Regulator Systems

UL 147A Edition 4, 2024

Standard for Nonrefillable (Disposable) Type Fuel Gas Cylinder Assemblies

UL 162 Edition 8, 2024

Standard for Foam Equipment and Liquid Concentrates

UL 193 Edition 12, 2024

Alarm Valves for Fire-Protection Service

UL 203A Edition 1, 2024

Sway Brace Devices for Sprinkler System Piping

UL 231 Edition 10, 2024

Standard for Power Outlets

UL 231 Edition 10, 2024

Standard for Power Outlets

UL 244B Edition 1, 2024

Standard for Field Installed and/or Field Connected Appliance Controls

UL 246 Edition 8, 2024

Standard for Hydrants for Fire-Protection Service

UL 248-19 Edition 1, 2024

Low-Voltage Fuses - Part 19: Photovoltaic Fuses

UL 252 Edition 11, 2024

Compressed Gas Regulators

UL 252A Edition 4, 2024

Standard for Compressed Gas Regulator Accessories

UL 258 Edition 1, 2024

Shutoff Valves for Trim and Drain Purposes for Fire Protection

UL 391 Edition 5, 2024

Standard for Solid-Fuel and Combination-Fuel Central and Supplementary Furnaces

UL 448 Edition 12, 2024

Standard for Centrifugal Stationary Pumps for Fire-Protection Service

UL 471 Edition 10, 2024

Standard for Commercial Refrigerators and Freezers

UL 498E Edition 1, 2024

Attachment Plugs, Cord Connectors and Receptacles - Enclosure Types for Environmental Protection

UL 498M Edition 1, 2024

Marine Shore Power Inlets

UL 507 Edition 10, 2024

Standard for Electric Fans

UL 536 Edition 11, 2024

Flexible Metallic Hose

UL 558 Edition 10, 2024

Standard for Industrial Trucks, Internal Combustion Engine-Powered

UL 567 Edition 11, 2024

Emergency Breakaway Fittings, Swivel Connectors and Pipe-Connection Fittings for Petroleum Products and LP-Gas

UL 574 Edition 8, 2024

Standard for Electric Oil Heaters

UL 583 Edition 11, 2024

ANSI/CAN/UL Standard for Electric-Battery-Powered Industrial Trucks

UL 621 Edition 7, 2024

Standard for Ice Cream Makers

UL 726 Edition 7, 2024

Standard for Oil-Fired Boiler Assemblies

UL 746A Edition 6, 2024

Standard for Polymeric Materials - Short Term Property Evaluations

UL 758 Edition 3, 2024

Standard for Appliance Wiring Material

UL 817 Edition 12, 2024

Standard for Cord Sets and Power-Supply Cords

UL 845 Edition 6, 2024

Motor Control Centers

UL 858 Edition 16, 2024

Standard for Household Electric Ranges

UL 864 Edition 11, 2024

Control Units and Accessories for Fire Alarm Systems

UL 924 Edition 10, 2024

Standard for Emergency Lighting and Power Equipment

UL 962 Edition 5, 2024

Household and Commercial Furnishings

UL 1023 Edition 7, 2024

Standard for Household Burglar-Alarm System Units

UL 1029 Edition 5, 2024

Standard for High-Intensity-Discharge Lamp Ballasts

UL 1059 Edition 5, 2024

Standard for Terminal Blocks

UL 1175 Edition 4, 2024

Standard for Buoyant Cushions

UL 1203 Edition 6, 2024

Explosion Proof and Dust-IgnitionProof Electrical Equipment for Use in Hazardous (Classified) Locations

UL 1247 Edition 6, 2024 Diesel Engines for Driving Stationary Fire Pumps	Standard for Automatic Drain Valves for Standpipe Systems	ANSI/CAN/UL Photovoltaic Hazard Control
UL 1278 Edition 4, 2024 Standard for Movable and Wall- or Ceiling-Hung Electric Room Heaters	UL 1889 Edition 2, 2024 Commercial Filters for Cooking Oil	UL 4248- 19 Edition 2, 2024 Fuseholders - Part 19: Photovoltaic Fuseholders
UL 1370 Edition 2, 2024 Standard for Unvented Alcohol Fuel Burning Decorative Appliances	UL 2034 Edition 5, 2024 Standard for Single and Multiple Station Carbon Monoxide Alarms	UL 4402 Edition 1, 2024 Indoor Air Quality in Buildings and Facilities Utilized for the Cultivation, Production and Processing of Cannabis
UL 1390 Edition 1, 2024 Fireplace Inserts and Hearth- Mounted Stoves for Installation into Masonry Fireplaces	UL 2162 Edition 1, 2024 Commercial Wood-Fired Baking Ovens - Refractory Type	UL 8750 Edition 2, 2024 Standard for Light Emitting Diode (LED) Equipment for Use in Lighting Products
UL 1450 Edition 4, 2024 Standard for Motor-Operated Air Compressors, Vacuum Pumps, and Painting Equipment	UL 2200A Edition 1, 2024 Outline of Investigation for Fire Containment Testing of Stationary Engine Generator Enclosures	UL 8801 Edition 1, 2024 Photovoltaic (PV) Luminaire Systems
UL 1453 Edition 6, 2024 Standard for Electric Booster and Commercial Storage Tank Water Heaters	UL 2252 Edition 1, 2024 Adapters for use with Electric Vehicle Couplers	UL 9595 Edition 1, 2024 Factory Follow-Up on Personal Flotation Devices (PFDs)
UL 1472 Edition 2, 2024 Solid-State Dimming Controls	UL 2333 Edition 3, 2024 Standard for Infrared Thermometers	UL 60034- 2-1 Edition 1, 2024 Rotating electrical machines - Part 2-1: Standard methods for determining losses and efficiency from tests (excluding machines for traction vehicles)
UL 1478A Edition 1, 2024 Pressure Relief Valves for Sprinkler Systems	UL 2577 Edition 2, 2024 Suspended Ceiling Power Grid Systems and Equipment	UL 60079- 10-2 Edition 1, 2024 Explosive Atmospheres - Part 10-2: Classification of Areas - Combustible Dust Atmospheres
UL 1574 Edition 3, 2024 Standard for Track Lighting Systems	UL 2592 Edition 1, 2024 Standard for Low Voltage LED Wire	UL 60079- 31 Edition 2, 2024 Explosive Atmospheres - Part 31: Equipment Dust Ignition Protection by Enclosure "t"
UL 1655 Edition 2, 2024 Standard for Community- Antenna Television Cables	UL 2745 Edition 2, 2024 Outline of Investigation for Meter Socket Adapters for Communication	UL 60335- 2-29 Edition 1, 2024 Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-29: Particular requirements for battery chargers
UL 1686 Edition 5, 2024 Pin and Sleeve Configurations	UL 2989 Edition 3, 2024 Outline of Investigation for Tracer Wire	UL 60335- 2-34 Edition 6, 2024 Household and Similar Electrical Appliances - Safety -
UL 1690 Edition 4, 2024 Standard for Data-Processing Cable	UL 3100 Edition 1, 2024 Automated Mobile Platforms (AMPs)	
UL 1709 Edition 6, 2024 Standard for Rapid Rise Fire Tests of Protection Materials for Structural Steel	UL 3202 Edition 1, 2024 Outline of Investigation for Mobile Electric Vehicle Charging Systems Integrated with Energy Storage Systems	
UL 1726 Edition 3, 2024	UL 3741 Edition 1, 2024	

<p>Part 2-34: Particular Requirements for Motor-Compressors UL 60335- 2-89 Edition 2, 2024</p> <p>Standard for Safety for Household and Similar Electrical Appliances – Safety – Part 2-89: Particular Requirements for Commercial Refrigerating Appliances and Ice-Makers with an Incorporated or Remote Refrigerant Unit or Motor-Compressor UL 60745- 1 Edition 4, 2024</p> <p>Hand-Held Motor-Operated Electric Tools - Safety - Part 1: General Requirements UL 61010- 2-032 Edition 2, 2024</p> <p>Safety Requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-032: Particular Requirements for Hand-Held and Hand-Manipulated Current Sensors for Electrical Test and Measurement UL 61010- 2-033 Edition 2, 2024</p> <p>Safety Requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control and Laboratory Use – Part 2-033: Particular Requirements for Hand-Held Multimeters for Domestic and Professional Use,</p>	<p>Capable of Measuring Mains Voltage UL 61010- 2-034 Edition 1, 2024</p> <p>Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-034: Particular Requirements for Measurement Equipment for Insulation Resistance and Test Equipment for Electric Strength UL 61010- 2-202 Edition 1, 2024</p> <p>Safety Requirements for Electrical Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-202: Particular Requirements for Electrically Operated Valve Actuators UL 62841- 2-5 Edition 1, 2024</p> <p>Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools and Lawn and Garden Machinery-Part2-5: Hand-Held Circular Saws UL 62841- 2-6 Edition 1, 2024</p> <p>Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-6 Particular Requirements for Hand-Held Hammers UL 62841- 3-4 Edition 1, 2024</p> <p>Electric Motor-Operated Hand-Held Tools,Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery Safety-Part 3-4 Particular Requirements for Transportable Bench Grinders UL 62841- 4-4 Edition 1, 2024</p> <p>Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 4-4:</p>	<p>Particular Requirements For Lawn Trimmers, Lawn Edge Trimmers, Grass Trimmers, Brush Cutters And Brush Saws UL 62841- 4-5 Edition 1, 2024</p> <p>Electric Hand-Held Motor-Operated, Transportable and Garden Tools - Safety - Part 4-5 Particular Requirements for scissors Type Grass Shears ULC 511 Edition 6, 2024</p> <p>Standard for Lined Fire Hose for Interior Standpipes and Municipal and Industrial Fire Protection Services ULC 524 Edition 7, 2024</p> <p>Standard For The Installation Of Fire Alarm Systems ULC 527 Edition 5, 2024</p> <p>Control Units and Accessories for Fire Alarm Systems ULC 536 Edition 6, 2024</p> <p>Standard for Inspection and Testing of Fire Alarm Systems ULC 564 Edition 2, 2024</p> <p>Standard for Categories 1 and 2 Foam Liquid Concentrates ULC 567 Edition 11, 2024</p> <p>Emergency Breakaway Fittings, Swivel Connectors and Pipe-Connection Fittings for Petroleum Products and LP-Gas ULC 573 Edition 1, 2024</p> <p>Standard for Installation of Ancillary Devices Connected to Fire Alarm Systems ULC 588 Edition 1, 2024</p> <p>Gas and Vapour Detectors and Sensors, Including Accessories ULC 716.1 Edition 4, 2024</p> <p>Standard for Exterior Insulation and Finish Systems (EIFS) – Materials and Systems</p>
--	--	--

Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn



TRUNG TÂM THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG TCĐLCL

Địa chỉ: Số 8 Hoàng Quốc Việt - Quận Cầu Giấy - Hà Nội

Số điện thoại: 024-37562608 / 37564268 **Fax:** 024-38361556

Email: ismq@tcvn.gov.vn **website:** <http://ismq.vn/>